

DANH SÁCH DỰ THI TOEFL PRIMARY CHALLENGE 2015 TẠI ĐÀ NẴNG

Ngày thi: 22/03/2015

Địa điểm thi: **Trường Tiểu học Phù Đồng - 34 Yên Bái, Quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng**

Thí sinh dự thi mang theo thẻ học sinh hoặc bản photo giấy khai sinh.

Chú ý:

- Bạn có thể sử dụng chức năng tìm kiếm để tìm kết quả nhanh nhất bằng cách nhấn phím tắt Ctrl+F sau đó gõ số báo danh hoặc Họ và Tên của thí sinh vào hộp thoại để tìm kiếm
- Thí sinh được sắp xếp theo thứ tự tăng dần của số báo danh

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Khối lớp	Tên Trường	Quận	Thành phố	Ca thi	Phòng thi
1	1900001	Lê Xuân Bình	15/11/2005	Khối 4	Diên Hồng	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 1
2	1900002	Hà Bảo Khanh	3/4/2004	Khối 5	Diên Hồng	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 1
3	1900003	Võ Hoàng Hương Ly	23/8/2005	Khối 4	Diên Hồng	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 1
4	1900004	Đặng Văn Pháp	6/4/2004	Khối 5	Diên Hồng	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 1
5	1900005	Nguyễn Thế Tấn Phát	17/1/2004	Khối 5	Diên Hồng	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 1
6	1900006	Trần Ngọc Phương Thảo	21/9/2004	Khối 5	Diên Hồng	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 1
7	1900007	Cao Thanh Liêm	11/6/2005	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 1
8	1900008	Cao Thị Thảo My	2 0 /11 /2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 1
9	1900009	Đặng Hoàng Minh	28/12/2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 1
10	1900010	Đặng Lê Bảo Ngọc	5/4/2006	Khối 3	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 1
11	1900011	Đặng Nguyễn Gia Hân	1/8/2006	Khối 3	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 1
12	1900012	Đặng Yến Nhi	18/01/2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 1
13	1900013	Đinh Gia Bảo Khuyên	25/8/2005	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 1
14	1900014	Đinh Nguyễn Quỳnh Ly	03/10/05	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 1
15	1900015	Đỗ Thị Việt Trinh	02/5/2005	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 1
16	1900016	Đỗ Trương Nhật Quang	01/03/05	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 1
17	1900017	Đồng Kim Khôi Nguyên	04/04/04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 1
18	1900018	Đồng Trần Bảo Ngọc	25/6/2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 1
19	1900019	Dương Hoàng Tú	17 /4 /2005	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 1
20	1900020	Dương Thế Trọng Huấn	25/10/2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 1
21	1900021	Dương Thu Hương	05/05/04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 1
22	1900022	Hồ Hoàng Phong Hào	6/3/2006	Khối 3	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 1
23	1900023	Hồ Quỳnh Nguyên Bảo	28 / 8 / 2005	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 1
24	1900024	Hồ Thị Yến Nhi	17/1/2005	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 1
25	1900025	Huỳnh Thị Như Ngọc	26/8/2006	Khối 3	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 1
26	1900026	Lâm Ngọc Dung	22 / 11/ 2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 2
27	1900027	Lê Ánh Nguyệt	02/05/05	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 2
28	1900028	Lê Đỗ Nhật Linh	14 / 10 / 2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 2
29	1900029	Lê Đức Anh Tuấn	17/3/2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 2
30	1900030	Lê Nguyễn Hà Vy	08/01/05	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 2
31	1900031	Lê Nguyễn Thảo My	20/11/2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 2
32	1900032	Lê Thị Khánh Hiền	4/8/2005	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 2
33	1900033	Lê Thị Xuân Trang	9/2/2005	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 2
34	1900034	Lưu Ngô Hà My	30/11/2006	Khối 3	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 2
35	1900035	Mai Đăng Phúc	17 /12 / 2005	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 2
36	1900036	Mai Nguyễn Trâm Anh	21/3/2006	Khối 3	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 2

37	1900037	Ngô Mai	Khanh	3 / 4 / 2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 2
38	1900038	Ngô Thị Khánh	Huyền	14/8/2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 2
39	1900039	Ngô Thị Thanh	Hương	28/9/2005	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 2
40	1900040	Ngô Văn	Tài	4/10/2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 2
41	1900041	Ngô Yến	Thi	9/5/2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 2
42	1900042	Nguyễn Đỗ Tiến	Thịnh	30/1/2006	Khối 3	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 2
43	1900043	Nguyễn Đức	Tài	19/12/2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 2
44	1900044	Nguyễn Hoàng	Hà	22 / 5 / 2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 2
45	1900045	Nguyễn Hoàng Khánh	Đoan	16 / 5 / 2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 2
46	1900046	Nguyễn Hồng	Ánh	14/5/2006	Khối 3	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 2
47	1900047	Nguyễn Khánh	Thùy	21/10/2006	Khối 3	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 2
48	1900048	Nguyễn Lê Ngọc	Huyền	24/4/2006	Khối 3	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 2
49	1900049	Nguyễn Lưu	Duyệt	26/7/2005	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 2
50	1900050	Nguyễn Mai	Thùy	24/01/2005	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 2
51	1900051	Nguyễn Nguyên	Phương	28 / 3 / 2005	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 3
52	1900052	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	23/3/2005	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 3
53	1900053	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	28 / 1 / 2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 3
54	1900054	Nguyễn Thị Ngọc	Thư	27/3/2005	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 3
55	1900055	Nguyễn Thị Thanh	Mai	8/5/2006	Khối 3	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 3
56	1900056	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	22 / 6 / 2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 3
57	1900057	Nguyễn Xuân	Thành	17/8/2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 3
58	1900058	Ông Ngô Chí	Nhân	24 / 6 / 2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 3
59	1900059	Phạm Thị Thanh	Tuyền	13 / 7 / 2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 3
60	1900060	Phạm Văn	Vũ	09/11/04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 3
61	1900061	Phan Ngọc	Khải	10/11/2006	Khối 3	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 3
62	1900062	Phan Nguyễn Hoài	Ngân	25/8/2005	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 3
63	1900063	Phan Quốc	Lê	16 / 1 / 2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 3
64	1900064	Phan Thành	Đạt	29 / 3 / 2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 3
65	1900065	Phan Thị Mai	Vy	30/1/2005	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 3
66	1900066	Phùng Nguyễn Thanh	Thảo	09/02/04	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 3
67	1900067	Phùng Quỳnh Bảo	Châu	17 / 4 / 2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 3
68	1900068	Trần Bình Phương	Nguyên	11/5/2005	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 3
69	1900069	Trần Đình	Khanh	30/7/2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 3
70	1900070	Trần Minh	Quang	27/8/2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 3
71	1900071	Trần Nguyễn Anh	Thư	12/2/2006	Khối 3	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 3
72	1900072	Trần Thị Tường	Vy	25/12/2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 3
73	1900073	Trương Quốc	Cường	21/9/2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 3
74	1900074	Võ Thị Khánh	Quyên	26/1/2005	Khối 4	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 3
75	1900075	Vương Nguyễn Quốc	Huy	08/02/2004	Khối 5	Hoàng Dư Khương	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 3
76	1900076	Hoàng Hồng	Ân	22/03/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 4
77	1900077	Nguyễn Thị Vân	Anh	01/9/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 4
78	1900078	Phạm Đắc	Anh	04/7/2006	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 4
79	1900079	Vũ Huỳnh Châu	Anh	08/03/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 4
80	1900080	Nguyễn Thành	Bảo	28/11/2006	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 4
81	1900081	Trần Thắng	Chí	23/9/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 4
82	1900082	Nguyễn Quang	Cường	04/5/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 4
83	1900083	Đinh Sỹ Quốc	Doanh	17/5/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 4

84	1900084	Huỳnh Ngọc Thùy	Dương	31/10/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 4
85	1900085	Võ Thị Thùy	Dương	06/04/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 4
86	1900086	Lê Ngọc Trường	Giang	14/01/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 4
87	1900087	Dương Việt	Hà	06/11/2006	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 4
88	1900088	Hồ Hồng	Hạnh	18/12/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 4
89	1900089	Trần Công	Hiếu	10/10/2006	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 4
90	1900090	Võ Huy	Hoàng	29/5/2005	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 4
91	1900091	Lê Huỳnh Kim	Huệ	13/02/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 4
92	1900092	Bùi Nguyễn Phước	Hùng	03/10/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 4
93	1900093	Võ Quốc	Hung	15/12/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 4
94	1900094	Hồ Thanh Bảo	Huy	21/03/2005	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 4
95	1900095	Lê Tự Quang	Huy	04/02/2006	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 4
96	1900096	Nguyễn Quang	Huy	20/10/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 4
97	1900097	Phan Hữu Gia	Huy	10/03/2006	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 4
98	1900098	Huỳnh Thị Ngọc	Huyền	04/12/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 4
99	1900099	Lê Nguyễn Thanh	Huyền	21/5/2005	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 4
100	1900100	Lê Anh	Khôi	30/04/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 4
101	1900101	Võ Tuấn	Kiệt	08/4/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 5
102	1900102	Đỗ Nguyễn Bảo	Lâm	19/10/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 5
103	1900103	Nguyễn Châu Thùy	Linh	08/4/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 5
104	1900104	Lê Thái Thị Thu	Lộc	17/9/2005	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 5
105	1900105	Ngô Tấn	Lực	15/4/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 5
106	1900106	Đoàn Nguyễn Hải	Ly	24/8/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 5
107	1900107	Ngô Bách Hoàng	Mai	28/01/2005	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 5
108	1900108	Nguyễn Tuấn	Minh	06/6/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 5
109	1900109	Đỗ Thị Ly	Na	15/9/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 5
110	1900110	Nguyễn Lương Huy	Nam	08/01/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 5
111	1900111	Phạm Nhật	Nam	02/03/2006	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 5
112	1900112	Đặng Phương	Nga	20/04/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 5
113	1900113	Trương Mỹ	Nga	06/06/2006	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 5
114	1900114	Huỳnh Thị Thúy	Ngân	23/03/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 5
115	1900115	Nguyễn Hạnh	Ngân	09/7/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 5
116	1900116	Phan Thanh	Nghĩa	08/8/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 5
117	1900117	Lê Nguyễn Tường	Ngọc	04/5/2005	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 5
118	1900118	Trương Bảo	Ngọc	21/11/2005	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 5
119	1900119	Huỳnh Hạnh	Nguyên	16/12/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 5
120	1900120	Ngô Thị Thảo	Nguyên	18/10/2006	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 5
121	1900121	Nguyễn Thảo	Nguyên	13/7/2006	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 5
122	1900122	Phan Kiều Ánh	Nguyệt	06/10/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 5
123	1900123	Đỗ Thị Hoàng	Nhi	07/8/2006	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 5
124	1900124	Nguyễn Trương Thảo	Nhi	07/11/2006	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 5
125	1900125	Trần Phương	Nhi	06/04/2006	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 5
126	1900126	Võ Thảo	Nhi	05/6/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 6
127	1900127	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	24/5/2005	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 6
128	1900128	Trần Thị Quỳnh	Như	21/7/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 6
129	1900129	Nguyễn Gia	Phú	20/01/2006	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 6
130	1900130	Nguyễn	Phúc	11/9/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 6

131	1900131	Đỗ Hoàng	Quân	01/12/2006	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 6
132	1900132	Mạc Kế	Quân	12/9/2005	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 6
133	1900133	Ngô Hoàng	Quân	08/6/2005	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 6
134	1900134	Lê Nguyễn Quyền	Quyền	21/9/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 6
135	1900135	Đoàn Bảo	Tâm	09/4/2006	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 6
136	1900136	Hồ Nguyễn Thanh	Tâm	24/02/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 6
137	1900137	Lương Sỹ Quyết	Thắng	19/03/2005	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 6
138	1900138	Lữ Đình Trường	Thảo	11/8/2005	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 6
139	1900139	Mạc Thị Thanh	Thảo	18/11/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 6
140	1900140	Nguyễn Trần Phương	Thảo	18/03/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 6
141	1900141	Trần Hồ Thanh	Thảo	10/5/2005	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 6
142	1900142	Nguyễn Văn Nhật	Thiên	15/7/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 6
143	1900143	Lê Thị Xuân	Thoa	06/01/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 6
144	1900144	Đặng Ngô Uyên	Thư	28/03/2006	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 6
145	1900145	Nguyễn Lê Anh	Thư	07/4/2005	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 6
146	1900146	Nguyễn Trần Minh	Thư	17/02/2004	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 6
147	1900147	Ngô Anh	Thy	03/12/2005	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 6
148	1900148	Lê Thị Như	Tiên	12/02/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 6
149	1900149	Nguyễn Hoàng Cát	Tiên	29/9/2006	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 6
150	1900150	Lê Trung	Tiến	06/10/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 6
151	1900151	Trần Ngọc	Trâm	22/8/2005	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 7
152	1900152	Trần Thị Ngọc	Trâm	21/11/2006	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 7
153	1900153	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	14/02/2005	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 7
154	1900154	Nguyễn Cao Minh	Trang	17/7/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 7
155	1900155	Trần Thùy	Trang	18/7/2006	Khối 3	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 7
156	1900156	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	10/03/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 7
157	1900157	Nguyễn Hoàng Quốc	Trung	09/9/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 7
158	1900158	Trần Can	Trường	28/7/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 7
159	1900159	Trần Lê Anh	Tuấn	01/8/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 7
160	1900160	Bùi Đoàn Tổ	Uyên	19/5/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 7
161	1900161	Nguyễn Hoàng	Vũ	06/10/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 7
162	1900162	Lê Nguyễn Hoàng	Vy	02/10/2005	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 7
163	1900163	Nguyễn Ái	Vy	01/8/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 7
164	1900164	Nguyễn Hoàng Khánh	Vy	05/01/2004	Khối 5	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 7
165	1900165	Đặng Văn	Vỹ	15/7/2005	Khối 4	Ngô Quyền	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 7
166	1900166	Hà Mạnh	Hùng	7/6/2004	Khối 5	Nguyễn Như Hạnh	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 7
167	1900167	Đặng Phan Thanh	Ngân	23/7/2005	Khối 4	Nguyễn Như Hạnh	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 7
168	1900168	Phùng Thiên	Phước	26/1/2005	Khối 4	Nguyễn Như Hạnh	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 7
169	1900169	Nguyễn Hữu	Son	27/1/2004	Khối 5	Nguyễn Như Hạnh	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 7
170	1900170	Đoàn Trần Minh	Thủy	26/3/2005	Khối 4	Nguyễn Như Hạnh	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 7
171	1900171	Lê Bảo	Trân	19/5/2005	Khối 4	Nguyễn Như Hạnh	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 7
172	1900172	Trần Thị Thu	Trang	21/11/2004	Khối 5	Nguyễn Như Hạnh	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 7
173	1900173	Lê Thành	Tùng	15/1/2001	Khối 5	Nguyễn Như Hạnh	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 7
174	1900174	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	01/02/2005	Khối 4	Ông Ích Đường	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 7
175	1900175	Phan Việt	Hoang	10/01/2004	Khối 5	Ông Ích Đường	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 7
176	1900176	Ngô Trường Minh	Hoàng	11/10/2004	Khối 5	Ông Ích Đường	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 8
177	1900177	Nguyễn Thị Diệu	Hương	31/12/2005	Khối 4	Ông Ích Đường	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 8

178	1900178	Đồng Văn	Huy	04/10/2004	Khối 5	Ông Ích Đường	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 8
179	1900179	Đồng Khánh	My	03/01/2005	Khối 5	Ông Ích Đường	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 8
180	1900180	Ngô Thị Ly	Na	19/09/2004	Khối 5	Ông Ích Đường	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 8
181	1900181	Phan Thị Hồng	Ngọc	11/08/2004	Khối 5	Ông Ích Đường	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 8
182	1900182	Nguyễn Lê Thảo	Nguyên	27/05/2005	Khối 4	Ông Ích Đường	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 8
183	1900183	Trương Quang	Nhân	19/02/2005	Khối 4	Ông Ích Đường	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 8
184	1900184	Phạm Thị Kim	Oanh	21/12/2004	Khối 5	Ông Ích Đường	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 8
185	1900185	Phan Hữu	Quốc	29/07/2005	Khối 4	Ông Ích Đường	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 8
186	1900186	Lê Hoàng Diệu	Thảo	12/03/2004	Khối 5	Ông Ích Đường	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 8
187	1900187	Trần Lê Tiến	Thọ	23/03/2005	Khối 4	Ông Ích Đường	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 8
188	1900188	Lê Thị Thùy	Trang	13/12/2004	Khối 5	Ông Ích Đường	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 8
189	1900189	Lê Phạm Như	Ý	10/10/2004	Khối 5	Ông Ích Đường	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 8
190	1900190	Lê Hoàng Diệu	Yến	18/02/2004	Khối 5	Ông Ích Đường	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 8
191	1900191	Từ Tiểu	Yến	29/09/2004	Khối 5	Ông Ích Đường	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 8
192	1900192	Lê Trịnh Bảo	An	17/08/2004	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 8
193	1900193	Nguyễn Châu	Anh	20/10/2006	Khối 3	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 8
194	1900194	Trần Lê Quốc	Anh	05/09/2006	Khối 3	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 8
195	1900195	Trần Thị Kim	Anh	11/06/2006	Khối 3	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 8
196	1900196	Trần Trâm	Anh	06/07/2005	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 8
197	1900197	Võ Thị Hồng	Anh	19/08/2004	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 8
198	1900198	Mai Thị Ngọc	Ánh	05/03/2005	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 8
199	1900199	Lê Xuân	Đạt	05/12/2006	Khối 3	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 8
200	1900200	Hồ Thị Thu	Diễm	29/04/2006	Khối 3	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 8
201	1900201	Đặng Thế	Duy	11/11/2004	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 9
202	1900202	Ngô Hồng	Duyên	22/04/2006	Khối 3	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 9
203	1900203	Nguyễn Thị Minh	Hà	15/02/2005	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 9
204	1900204	Hà Trần Nguyệt	Hạ	15/03/2005	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 9
205	1900205	Đinh Xuân	Hải	31/03/2006	Khối 3	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 9
206	1900206	Lương Nguyễn Hồng	Hạnh	23/05/2006	Khối 3	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 9
207	1900207	Lê Văn	Hào	16/03/2005	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 9
208	1900208	Hồ Viết	Hậu	25/10/2006	Khối 3	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 9
209	1900209	Ngô Minh	Hiền	29/09/2006	Khối 3	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 9
210	1900210	Lê Trịnh Đình	Hoàng	06/09/2006	Khối 3	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 9
211	1900211	Nguyễn Thị Ngọc	Hồng	20/04/2004	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 9
212	1900212	Nguyễn Chí	Hữu	18/03/2005	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 9
213	1900213	Lương Thị Lê	Huyền	16/08/2005	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 9
214	1900214	Đặng Công	Khải	10/08/2005	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 9
215	1900215	Nguyễn Vũ	Khanh	09/11/2004	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 9
216	1900216	Đặng Quốc	Khoa	13/04/2005	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 9
217	1900217	Phan Minh	Khoa	06/02/2004	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 9
218	1900218	Cao Thị Minh	Khuê	11/05/2005	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 9
219	1900219	Phạm Thúy	Liều	04/04/2004	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 9
220	1900220	Ngô Phạm Diệu	Linh	05/06/2004	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 9
221	1900221	Nguyễn Thúy	Mai	09/02/2004	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 9
222	1900222	Ngô Công	Minh	27/01/2004	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 9
223	1900223	Bạch Phi Song	Ngân	05/09/2005	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 9
224	1900224	Đặng Thùy	Ngân	03/12/2006	Khối 3	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 9

225	1900225	Đoàn Hữu Nghĩa	12/01/2006	Khối 3	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 9
226	1900226	Mai Thị Hồng Ngọc	17/01/2004	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 10
227	1900227	Lê Thị Thanh Nhân	11/04/2006	Khối 3	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 10
228	1900228	Hoàng Yến Nhi	24/03/2005	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 10
229	1900229	Ngô Thị Yến Nhi	10/02/2005	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 10
230	1900230	Thái Hoàng Phi	29/06/2006	Khối 3	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 10
231	1900231	Nguyễn Ngọc Bảo Phúc	23/10/2006	Khối 3	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 10
232	1900232	Phạm Bá Phúc	24/02/2004	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 10
233	1900233	Ngô Thị Thanh Phương	03/10/2004	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 10
234	1900234	Phan Thị Hiền Phương	28/04/2005	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 10
235	1900235	Đỗ Hồng Quân	22/12/2005	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 10
236	1900236	Nguyễn Thị Nhật Quyên	10/04/2004	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 10
237	1900237	Lương Nguyễn Xuân Tài	19/06/2006	Khối 3	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 10
238	1900238	Trần Vạn Tấn	05/09/2005	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 10
239	1900239	Hồ Thị Phương Thanh	10/07/2006	Khối 3	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 10
240	1900240	Nguyễn Thị Phương Thảo	12/02/2004	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 10
241	1900241	Hồ Ngọc Thiện	21/03/2005	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 10
242	1900242	Nguyễn Anh Thư	28/08/2005	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 10
243	1900243	Phạm Anh Thư	05/07/2004	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 10
244	1900244	Phùng Thị Hoài Thương	21/02/2006	Khối 3	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 10
245	1900245	Trần Hưng Duy Tiến	23/08/2004	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 10
246	1900246	Dương Thế Trọng Trí	02/09/2005	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 10
247	1900247	Nguyễn Nhật Trúc	05/12/2006	Khối 3	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 10
248	1900248	Trương Sơn Tùng	09/11/2005	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 10
249	1900249	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	16/02/2005	Khối 4	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 10
250	1900250	Trương Hồng Uyên	19/01/2004	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 10
251	1900251	Đỗ Thị Như Ý	27/01/2004	Khối 5	Thái Thị Bôi	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 11
252	1900252	Lê Thúy An	31/05/04	Khối 5	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 11
253	1900253	Lê Thị Ngọc Anh	31/05/04	Khối 5	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 11
254	1900254	Phan Phú Duy	12/01/06	Khối 3	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 11
255	1900255	Trần Văn Việt Duy	27/01/06	Khối 3	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 11
256	1900256	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	16/08/05	Khối 4	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 11
257	1900257	Đặng Lê Vy Hằng	14/05/06	Khối 3	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 11
258	1900258	Trần Mỹ Hạnh	28/01/05	Khối 4	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 11
259	1900259	Nguyễn Trần Hồ Quán Hào	07/04/04	Khối 5	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 11
260	1900260	Huỳnh Ngọc Hiếu	10/03/06	Khối 3	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 11
261	1900261	Huỳnh Hữu Hoàng	12/07/04	Khối 5	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 11
262	1900262	Trần Thanh Hoàng	28/06/05	Khối 4	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 11
263	1900263	Trần Thị Ngọc Huệ	18/02/05	Khối 4	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 11
264	1900264	Phạm Phú Hưng	18/11/05	Khối 4	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 11
265	1900265	Huỳnh Nguyễn Khánh	25/03/06	Khối 3	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 11
266	1900266	Đặng Lâm	08/12/06	Khối 3	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 11
267	1900267	Lê Thị Khánh Linh	25/01/05	Khối 4	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 11
268	1900268	Trần Phước Nghĩa	07/02/05	Khối 4	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 11
269	1900269	Hồ Đoàn Thảo Nguyên	29/07/06	Khối 3	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 11
270	1900270	Huỳnh Nghĩa Khánh Nguyên	03/05/05	Khối 4	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 11
271	1900271	Võ Khánh Nguyên	18/08/04	Khối 5	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 11

272	1900272	Lê Tiểu	Nguyễn	07/04/04	Khối 5	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 11
273	1900273	Kiều Ánh	Nguyệt	12/02/04	Khối 5	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 11
274	1900274	Đặng Ngọc Bảo	Nhi	23/06/06	Khối 3	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 11
275	1900275	Lê Yển	Nhi	21/10/06	Khối 3	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 11
276	1900276	Phan Thị Hồng	Nhung	16/01/05	Khối 4	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 12
277	1900277	Võ Trần Thanh	Thảo	22/12/06	Khối 3	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 12
278	1900278	Nguyễn Lý Thanh	Thúy	23/10/04	Khối 5	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 12
279	1900279	Trần Bảo	Trâm	07/01/06	Khối 3	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 12
280	1900280	Ngô Thị Bảo	Trân	01/06/05	Khối 4	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 12
281	1900281	Phạm Huyền	Trang	25/04/04	Khối 5	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 12
282	1900282	Nguyễn Châu Lan	Trinh	20/09/04	Khối 5	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 12
283	1900283	Nguyễn Quang	Trường	18/03/06	Khối 3	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 12
284	1900284	Nguyễn Lê Hoàng	Tú	26/10/06	Khối 3	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 12
285	1900285	Huỳnh Thị Thanh	Vân	18/04/06	Khối 3	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 12
286	1900286	Nguyễn Hữu Hùng	Vĩ	13/02/05	Khối 4	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 12
287	1900287	Lê Văn Hoàng	Vũ	13/04/05	Khối 4	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 12
288	1900288	Trần Phước	Vũ	25/10/205	Khối 4	Trần Đại Nghĩa	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 12
289	1900289	Nguyễn Thủy	An	12/1/06	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 12
290	1900290	Phan Gia	Bảo	20/01/05	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 12
291	1900291	Phan Lê Ngọc	Bảo	23/2/06	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 12
292	1900292	Đoàn Thị Ngọc	Bích	20/04/05	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 12
293	1900293	Nguyễn Phi	Bình	03/11/04	Khối 5	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 12
294	1900294	Nguyễn Thái Hoàng	Diệp	02/01/04	Khối 5	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 12
295	1900295	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	09/10/06	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 12
296	1900296	Võ Thục Đông	Giang	24/03/05	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 12
297	1900297	Nguyễn Đình Quốc	Hoàng	04/12/05	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 12
298	1900298	Đoàn Minh	Huy	06/02/04	Khối 5	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 12
299	1900299	Nguyễn Thái Minh	Huy	14/01/2005	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 12
300	1900300	Nguyễn Trúc	Huy	16/07/05	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 12
301	1900301	Hoàng Quốc	Khánh	02/09/06	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 13
302	1900302	Lê Quốc	Khánh	30/10/06	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 13
303	1900303	Trịnh Phan Duy	Khánh	11/02/06	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 13
304	1900304	Vương Quốc	Khánh	14/03/04	Khối 5	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 13
305	1900305	Trần Văn	Liên	4/2/06	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 13
306	1900306	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/12/05	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 13
307	1900307	Nguyễn Thùy	Linh	22/05/05	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 13
308	1900308	Võ Thi Hoàng	Linh	16/12/05	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 13
309	1900309	Huỳnh Diệu	Mai	08/09/05	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 13
310	1900310	Hoàng Ngọc	Minh	18/08/04	Khối 5	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 13
311	1900311	Hoàng Thị Yển	Ngân	03/07/06	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 13
312	1900312	Nguyễn Đặng Kim	Ngân	28/05/06	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 13
313	1900313	Nguyễn Huỳnh Kim	Ngân	30/01/04	Khối 5	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 13
314	1900314	Nguyễn Huỳnh Tuyết	Ngân	01/07/05	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 13
315	1900315	Trần Thị Thu	Ngân	13/04/06	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 13
316	1900316	Lê Bảo	Ngọc	15/03/05	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 13
317	1900317	Nguyễn Bích	Ngọc	01/02/06	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 13
318	1900318	Nguyễn Lê Bảo	Nhi	10/02/06	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cầm Lẻ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 13

319	1900319	Nguyễn Thảo	Nhi	19/01/2006	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 13
320	1900320	Nguyễn Thị Lan	Nhi	18/03/04	Khối 5	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 13
321	1900321	Phan Ngọc	Phương	08/05/04	Khối 5	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 13
322	1900322	Lê Khánh	Quỳnh	05/06/06	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 13
323	1900323	Phan Thị Trúc	Quỳnh	26/01/06	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 13
324	1900324	Nguyễn Châu	Thảo	16/03/06	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 13
325	1900325	Nguyễn Lê Ngọc	Thảo	14/07/05	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 13
326	1900326	Trần Mai Thanh	Thảo	07/11/04	Khối 5	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 14
327	1900327	Trần Thị Thanh	Thảo	07/11/06	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 14
328	1900328	Huỳnh Ngọc Hoài	Thương	15/08/04	Khối 5	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 14
329	1900329	Trần Việt	Toàn	16/04/05	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 14
330	1900330	Đoàn Bảo	Trân	26/12/05	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 14
331	1900331	Trần Thị Huyền	Trân	15/11/06	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 14
332	1900332	Đặng Thùy	Trang	03/07/06	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 14
333	1900333	Lê Hoàng	Trang	11/01/05	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 14
334	1900334	Lê Thị Huyền	Trang	11/04/04	Khối 5	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 14
335	1900335	Nguyễn Công	Triết	12/10/06	Khối 4	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 14
336	1900336	Trần Văn	Trường	26/09/04	Khối 5	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 14
337	1900337	Nguyễn Anh	Tú	15/08/04	Khối 5	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 14
338	1900338	Mai Hoàng	Vy	10/02/06	Khối 3	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 14
339	1900339	Phan Thị Huyền	Vy	24/07/04	Khối 5	Trần Nhân Tông	Cẩm Lệ	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 14
340	1900340	Nguyễn Hoàng	Ân	27/12/2005	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 14
341	1900341	Bùi Minh Triều	Anh	14/10/2006	Khối 3	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 14
342	1900342	Trần Trâm	Anh	27/10/2006	Khối 3	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 14
343	1900343	Ngô Xuân	Bách	14/11/2004	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 14
344	1900344	Phạm Gia	Bảo	3/6/2004	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 14
345	1900345	Trần Ngọc Bảo	Châu	01/01/05	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 14
346	1900346	Trần Nguyên	Châu	22/4/2005	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 14
347	1900347	Võ Duy Toàn	Châu	6/7/2004	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 14
348	1900348	Nguyễn Phương	Diễm	22/7/2004	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 14
349	1900349	Nguyễn Thanh	Giang	24/1/2004	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 14
350	1900350	Lê Vũ Quỳnh	Giao	14/1/2006	Khối 3	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 14
351	1900351	Trần Ngọc Ngân	Hà	14/2/2004	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 15
352	1900352	Lê Văn Bảo	Huân	26/4/2006	Khối 3	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 15
353	1900353	Đỗ Huy	Hưng	1/11/2006	Khối 3	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 15
354	1900354	Phan Công	Huy	15/2/2006	Khối 3	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 15
355	1900355	Nguyễn Quang	Khải	7/10/2006	Khối 3	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 15
356	1900356	Lê Thị Minh	Khánh	02/09/2005	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 15
357	1900357	Lê Thy	Khuê	14/2/2004	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 15
358	1900358	Hoàng Ngọc Thiên	Kim	31/3/2005	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 15
359	1900359	Trần Quang	Mẫn	13/8/2005	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 15
360	1900360	Bạch Thái	Minh	21/9/2004	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 15
361	1900361	Bùi Huy	Minh	5/5/2004	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 15
362	1900362	Lê Trịnh Hoàng	My	22/2/2004	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 15
363	1900363	Nguyễn Trà	My	21/7/2005	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 15
364	1900364	Vũ Thị Thúy	Ngân	9/7/2004	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 15
365	1900365	Bùi Minh	Ngọc	22/10/2006	Khối 3	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 15

366	1900366	Hồ Nguyễn Hồng Linh	Ngọc	27/2/2004	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 15
367	1900367	Đào Ngọc Tùng	Nguyên	28/3/2004	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 15
368	1900368	Ngô Trường	Nguyên	29/7/2004	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 15
369	1900369	Nguyễn Lê Thảo	Nguyên	6/9/2005	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 15
370	1900370	Tạ Khánh	Nguyên	14/7/2004	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 15
371	1900371	Nguyễn Đoàn Thiên	Nhã	13/1/2004	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 15
372	1900372	Võ Thị Yến	Nhi	2/2/2005	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 15
373	1900373	Tô Nguyễn Khánh	Như	15/05/2006	Khối 3	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 15
374	1900374	Phạm Quý	Phi	18/9/2005	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 15
375	1900375	Lê Tiến	Quân	22/6/2004	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 15
376	1900376	Nguyễn Trịnh Hoàng	Quân	14/4/2006	Khối 3	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 16
377	1900377	Bùi Yên	Thảo	26/9/2005	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 16
378	1900378	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	7/2/2006	Khối 3	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 16
379	1900379	Nguyễn Ý	Thảo	02/07/2005	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 16
380	1900380	Trần Thị Nguyên	Thảo	01/01/2005	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 16
381	1900381	Lê Nguyễn Uyên	Thư	18/9/2006	Khối 3	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 16
382	1900382	Nguyễn Hoàng	Thư	06/10/2005	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 16
383	1900383	Trần Lê Anh	Thư	29/10/2005	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 16
384	1900384	Trần Trương Gia	Thuận	30/10/2004	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 16
385	1900385	Huỳnh Thái	Toàn	3/11/2006	Khối 3	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 16
386	1900386	Nguyễn Đăng	Trình	5/2/2004	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 16
387	1900387	Nguyễn Lê Cẩm	Tú	17/9/2005	Khối 4	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 16
388	1900388	Cao Nguyễn Hồng	Tuyển	19/9/2006	Khối 3	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 16
389	1900389	Lê Nhã	Uyên	24/4/2006	Khối 3	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 16
390	1900390	Nguyễn Thảo	Yên	7/1/2004	Khối 5	Bán công năng khiếu	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 16
391	1900391	Hồ Hoàng	Long	06/05/06	Khối 3	CLC SKY-LINE	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 16
392	1900392	Bùi Thị Thảo	Nguyên	29/01/05	Khối 4	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 16
393	1900393	Đặng Thị Thanh	Ngân	09/10/05	Khối 4	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 16
394	1900394	Đặng Thị Thanh	Nhã	21/08/04	Khối 5	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 16
395	1900395	Đặng Thị Thu	Ngân	03/01/06	Khối 3	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 16
396	1900396	Đặng Văn	Khoa	17/04/06	Khối 3	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 16
397	1900397	Đặng Văn	Quang	23/05/04	Khối 5	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 16
398	1900398	Đào Trần Thanh	Huyền	07/01/06	Khối 3	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 16
399	1900399	Đinh Nguyễn Thục	Trình	06/08/04	Khối 5	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 16
400	1900400	Hồ Lâm Thanh	Trúc	07/08/04	Khối 5	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 16
401	1900401	Hồ Võ Gia	Hân	02/06/04	Khối 5	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 17
402	1900402	Hoàng	Gia	02/11/06	Khối 3	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 17
403	1900403	Huỳnh Minh	Trọng	08/07/06	Khối 3	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 17
404	1900404	Huỳnh Thanh Quốc	Triều	26/04/04	Khối 5	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 17
405	1900405	Huỳnh Thị Ngọc	Huyền	31/08/05	Khối 4	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 17
406	1900406	Lê Hoàng	Lâm	10/01/06	Khối 3	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 17
407	1900407	Ngô Nguyễn Hoàng	Trình	05/11/06	Khối 3	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 17
408	1900408	Ngô Tấn	Phước	22/09/04	Khối 5	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 17
409	1900409	Nguyễn Anh	Luật	10/05/04	Khối 5	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 17
410	1900410	Nguyễn Bảo	Ngọc	03/02/06	Khối 3	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 17
411	1900411	Nguyễn Đình Anh	Tuấn	05/09/05	Khối 4	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 17
412	1900412	Nguyễn Hoàng	Anh	07/11/06	Khối 3	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 17

413	1900413	Nguyễn Huỳnh Nhật Minh	27/10/05	Khối 4	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 17
414	1900414	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	02/11/05	Khối 4	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 17
415	1900415	Nguyễn Lê Kim Lộc	10/01/05	Khối 4	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 17
416	1900416	Nguyễn Ngân Ngọc	13/10/05	Khối 4	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 17
417	1900417	Nguyễn Phạm Phương Linh	10/03/06	Khối 3	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 17
418	1900418	Nguyễn Quang Mẫn	13/12/05	Khối 4	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 17
419	1900419	Nguyễn Quang Phước	30/11/04	Khối 5	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 17
420	1900420	Nguyễn Tam Nguyên	22/02/05	Khối 4	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 17
421	1900421	Nguyễn Thảo Nhi	05/04/04	Khối 5	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 17
422	1900422	Nguyễn Trần Thiên Ân	10/01/06	Khối 3	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 17
423	1900423	Phạm Thị Xuân Hồng	14/04/05	Khối 4	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 17
424	1900424	Phan Nhật Minh Anh	18/12/05	Khối 4	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 17
425	1900425	Trần Công Vinh	27/11/04	Khối 5	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 17
426	1900426	Trần Diệu Phúc	02/08/06	Khối 3	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 18
427	1900427	Trần Gia Doanh	27/05/05	Khối 4	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 18
428	1900428	Trần Thị Bảo Ngọc	04/01/06	Khối 3	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 18
429	1900429	Trần Thị Yến Nhi	30/03/04	Khối 5	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 18
430	1900430	Trương Ngọc Mai Thi	28/07/06	Khối 3	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 18
431	1900431	Võ Thị Bích Vi	15/03/04	Khối 5	Lê Đình Chinh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 18
432	1900432	Lê Văn Phương Duyên	23/09/04	Khối 5	Lý Công Uẩn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 18
433	1900433	Lê Trần Thảo Vy		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 18
434	1900434	Lê Võ Khánh Nhi		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 18
435	1900435	Ngô Gia Nguyên Bảo		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 18
436	1900436	Nguyễn Đức Bình		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 18
437	1900437	Nguyễn Minh Huy		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 18
438	1900438	Nguyễn Ngọc Khánh Hân		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 18
439	1900439	Nguyễn Thị Liên Hương		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 18
440	1900440	Phạm Hoàng Chương		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 18
441	1900441	Phan Trần Trà My		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 18
442	1900442	Trần Bảo Ngọc		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 18
443	1900443	Bùi Kim Yến Nhi		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 18
444	1900444	Bùi Nguyễn Khánh Nguyên		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 18
445	1900445	Bùi Thị Kim Ngân		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 18
446	1900446	Bùi Xuân Bách		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 18
447	1900447	Châu Nguyễn Minh Tâm		Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 18
448	1900448	Đàm Quốc Đạt		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 18
449	1900449	Đặng Chính Hữu		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 18
450	1900450	Đặng Nguyễn Yến Nhi		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 18
451	1900451	Đào Hữu Duy Anh		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 19
452	1900452	Đinh Phạm Khánh Huyền		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 19
453	1900453	Đinh Văn Thảo Nhi		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 19
454	1900454	Đỗ Nguyên Giác		Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 19
455	1900455	Đỗ Nhật Trần Trân		Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 19
456	1900456	Đỗ Thị Thanh Ngân		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 19
457	1900457	Đoàn Diệu Lan Nguyên		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 19
458	1900458	Dương Nhật Khánh		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 19
459	1900459	Dương Thanh Phước Uyên		Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 19

460	1900460	Hồ Lê Khôi	Nguyễn		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 19
461	1900461	Hồ Nguyễn Hoàng	Vũ		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 19
462	1900462	Hồ Quỳnh	Như		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 19
463	1900463	Hoàng Nguyễn Bảo	Khanh		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 19
464	1900464	Hoàng Nguyễn Bảo	Ngọc		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 19
465	1900465	Hoàng Trọng Hải	Nguyễn		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 19
466	1900466	Hứa Trần Bảo	Ngọc		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 19
467	1900467	Huỳnh Bảo	Ngọc		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 19
468	1900468	Huỳnh Mỹ	Ngân		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 19
469	1900469	Huỳnh Ngọc Thùy	Dương		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 19
470	1900470	Huỳnh Nguyễn Linh	Giang		Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 19
471	1900471	Huỳnh Phan	Kiên		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 19
472	1900472	Huỳnh Tấn	Đạt		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 19
473	1900473	Huỳnh Tuấn	Phong		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 19
474	1900474	Lâm Nguyễn Hồng	Ngọc		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 19
475	1900475	Lâm Trung	Hiếu		Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 19
476	1900476	Lê Duy	Khiêm		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 20
477	1900477	Lê Cao Nhật	An		Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 20
478	1900478	Lê Châu	Anh		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 20
479	1900479	Lê Hoàng	Hiếu		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 20
480	1900480	Lê Hoàng Khánh	Vân		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 20
481	1900481	Lê Linh	Đan		Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 20
482	1900482	Lê Minh	Anh		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 20
483	1900483	Lê Nguyễn Khánh	Ngọc		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 20
484	1900484	Lê Nguyễn Việt	Hưng		Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 20
485	1900485	Lê Quang	Đạt		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 20
486	1900486	Lê Thị Hạnh	Uyên		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 20
487	1900487	Lê Tuấn	Kiệt		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 20
488	1900488	Lê Văn	Huy		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 20
489	1900489	Lê Vũ Quỳnh	Thư		Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 20
490	1900490	Lưu Duy	Uyên		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 20
491	1900491	Mai Nguyễn Kiều	Nhi		Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 20
492	1900492	Mai Xuân	Bách		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 20
493	1900493	Ngô Gia	Hỷ		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 20
494	1900494	Ngô Nguyệt Hoàng	duyên		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 20
495	1900495	Nguyễn Bảo	Lộc		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 20
496	1900496	Nguyễn Công Quang	Minh		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 20
497	1900497	Nguyễn Đắc Gia	Phú		Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 20
498	1900498	Nguyễn Đình	Hưng		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 20
499	1900499	Nguyễn Đình Mai	Lan		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 20
500	1900500	Nguyễn Đoàn Thực	Đoan		Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 20
501	1900501	Nguyễn Đức	Huy		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 21
502	1900502	Nguyễn Đức	Minh		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 21
503	1900503	Nguyễn Hồng	Anh		Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 21
504	1900504	Nguyễn Hữu	Tuấn		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 21
505	1900505	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trân		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 21
506	1900506	Nguyễn Khánh	Hoàng		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 21

507	1900507	Nguyễn Minh	Anh		Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 21
508	1900508	Nguyễn Minh Gia	Hân		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 21
509	1900509	Nguyễn Minh	Hiền		Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 21
510	1900510	Nguyễn Minh	Khánh		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 21
511	1900511	Nguyễn Minh	Tài		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 21
512	1900512	Nguyễn Mỹ	Huyền		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 21
513	1900513	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 21
514	1900514	Nguyễn Nhật	Minh		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 21
515	1900515	Nguyễn Phạm Tuyết	Nhi		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 21
516	1900516	Nguyễn Phúc Bảo	Quyên		Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 21
517	1900517	Nguyễn Tam Hoài	Bảo		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 21
518	1900518	Nguyễn Thái	Bảo		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 21
519	1900519	Nguyễn Thành Bảo	Trâm		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 21
520	1900520	Nguyễn Thanh	Nhân		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 21
521	1900521	Nguyễn Thanh	Phú		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 21
522	1900522	Nguyễn Thị Anh	Thư		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 21
523	1900523	Nguyễn Thị Bảo	Trân		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 21
524	1900524	Nguyễn Thị Kim	Xuân		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 21
525	1900525	Nguyễn Thị Minh	An		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 21
526	1900526	Nguyễn Thị Thanh	Tâm		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 22
527	1900527	Nguyễn Thị Thanh	Thảo		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 22
528	1900528	Nguyễn Thị Tường	Vy		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 22
529	1900529	Nguyễn Tiến	Hùng		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 22
530	1900530	Nguyễn Tiến	Hùng		Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 22
531	1900531	Nguyễn Trần Khánh	Phụng		Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 22
532	1900532	Nguyễn Trần Phương	Thảo		Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 22
533	1900533	Nguyễn Trần Thảo	Nguyễn		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 22
534	1900534	Nguyễn Trần Văn	Chiến		Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 22
535	1900535	Nguyễn Trang	Linh		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 22
536	1900536	Nguyễn Triều	Tiến		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 22
537	1900537	Nguyễn Trọng	Khoa		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 22
538	1900538	Nguyễn Văn	Thành		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 22
539	1900539	Nguyễn Võ Thảo	Nguyễn		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 22
540	1900540	Nguyễn Vũ Cát	Tiên		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 22
541	1900541	Nguyễn Xuân	Huy		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 22
542	1900542	Nguyễn Xuân Minh	Tiến		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 22
543	1900543	Phạm Hữu	Đức		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 22
544	1900544	Phạm K Huy	Nhật		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 22
545	1900545	Phạm Phú Anh	Quân		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 22
546	1900546	Phạm Thanh	Trang		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 22
547	1900547	Phạm Trần Tuấn	Khánh		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 22
548	1900548	Phan Bảo	Huyền		Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 22
549	1900549	Phan Hà	Mỹ		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 22
550	1900550	Phan Lê Uyên	Nhi		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 22
551	1900551	Phan Ngọc	Quân		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 23
552	1900552	Phan Nguyễn Anh	Khoa		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 23
553	1900553	Phan Nguyễn Thục	Trình		Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 23

554	1900554	Phan Như Quỳnh		Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 23	
555	1900555	Phan Trần Hạ	Giang	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 23	
556	1900556	Phùng Hoàng Minh	Anh	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 23	
557	1900557	Phùng Nguyễn Thảo	Nguyễn	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 23	
558	1900558	Tạ Hồng	Phúc	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 23	
559	1900559	Tạ Thùy Vân	Thư	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 23	
560	1900560	Trần Anh	Tuấn	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 23	
561	1900561	Trần Bảo	Kha	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 23	
562	1900562	Trần Công	Nghĩa	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 23	
563	1900563	Trần Đình	Hiếu	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 23	
564	1900564	Trần Đình	Khoa	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 23	
565	1900565	Trần Duy	Mẫn	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 23	
566	1900566	Trần Hữu	Thuận	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 23	
567	1900567	Trần Minh	Thư	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 23	
568	1900568	Trần Ngọc Minh	Tân	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 23	
569	1900569	Trần Nguyễn Yến	Nhi	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 23	
570	1900570	Trần Nhật	Tân	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 23	
571	1900571	Trần Quang	Thắng	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 23	
572	1900572	Trần Thị Hồng	Hà	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 23	
573	1900573	Trần Thị Ngọc	Minh	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 23	
574	1900574	Trần Thị Quỳnh	Trình	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 23	
575	1900575	Trần Thị Thanh	An	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 23	
576	1900576	Trần Trọng	Hoàng	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 24	
577	1900577	Trần Vũ Hà	My	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 24	
578	1900578	Trần Vũ Xuân	Giao	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 24	
579	1900579	Trịnh Xuân	Bình	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 24	
580	1900580	Trương Thị Bích	Thủy	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 24	
581	1900581	Văn Thị Thúy	Nga	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 24	
582	1900582	Võ Lê Hoài	Phương	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 24	
583	1900583	Võ Lê Minh	Trang	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 24	
584	1900584	Võ Minh Ý	Nhi	Khối 5	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 24	
585	1900585	Võ Thảo	Ly	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 24	
586	1900586	Võ Trần Hoàng	Thư	Khối 3	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 24	
587	1900587	Vương Thục	Nhi	Khối 4	Núi Thành	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 24	
588	1900588	Lê Đặng Ngọc	Linh	22/09//05	Khối 4	Phan Thanh	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 24
589	1900589	Nguyễn Công Phước	An	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 24	
590	1900590	Nguyễn Vũ Vi	An	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 24	
591	1900591	Nguyễn Xuân	An	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 24	
592	1900592	Võ Hoàng Bảo	An	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 24	
593	1900593	Đoàn Văn	Anh	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 24	
594	1900594	Hoàng Ngọc Tùng	Anh	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 24	
595	1900595	Lê Hoàng Tâm	Anh	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 24	
596	1900596	Lê Nguyễn Trường	Anh	Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 24	
597	1900597	Lê Nhật	Anh	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 24	
598	1900598	Lê Trần Phúc	Anh	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 24	
599	1900599	Ngô Văn Tuấn	Anh	Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 24	
600	1900600	Nguyễn Duy	Anh	Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 24	

601	1900601	Nguyễn Ngọc Hoàng	Anh		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 25
602	1900602	Nguyễn Thanh	Anh		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 25
603	1900603	Nguyễn Thị Vân	Anh		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 25
604	1900604	Thiều Nhật	Anh		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 25
605	1900605	Trần Bảo	Anh		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 25
606	1900606	Trần Đức	Anh		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 25
607	1900607	Trần Hùng	Anh		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 25
608	1900608	Trần Liên	Anh		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 25
609	1900609	Trần Văn	Anh		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 25
610	1900610	Võ Văn	Anh		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 25
611	1900611	Nguyễn Đức	Bách		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 25
612	1900612	Phạm Hoàng	Bách		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 25
613	1900613	Phạm Xuân	Bách		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 25
614	1900614	Lê Trần Bích	Bảo		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 25
615	1900615	Ngô Dương	Bảo		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 25
616	1900616	Nguyễn Hoàng	Bảo		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 25
617	1900617	Nguyễn Quốc	Bảo		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 25
618	1900618	Nguyễn Trần Gia	Bảo		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 25
619	1900619	Trần Lê Quốc	Bảo		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 25
620	1900620	Ngô Phạm Mỹ	Bình		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 25
621	1900621	Thái Bảo	Chánh	05/22/04	khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 25
622	1900622	Bùi Lê Bảo	Châu		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 25
623	1900623	Nguyễn Thị Ngọc	Châu		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 25
624	1900624	Nguyễn Thị Thanh	Châu		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 25
625	1900625	Nguyễn Viết Bảo	Châu		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 25
626	1900626	Trần Ngọc Bảo	Châu		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 26
627	1900627	Trần Nguyễn Minh	Châu		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 26
628	1900628	Bùi Phan Quỳnh	Chi		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 26
629	1900629	Dương Quỳnh	Chi		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 26
630	1900630	Nguyễn Trần Linh	Chi		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 26
631	1900631	Phan Thị Quỳnh	Chi		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 26
632	1900632	Trịnh Huệ	Chi		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 26
633	1900633	Nguyễn Đình	Chính		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 26
634	1900634	Võ Nguyễn Hoàng Duy	Chung		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 26
635	1900635	Nguyễn Chi Linh	Đan		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 26
636	1900636	Đặng Thị Thành	Danh		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 26
637	1900637	Hoàng Công	Đạt		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 26
638	1900638	Nguyễn Nguyên	Đạt		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 26
639	1900639	Nguyễn Thành	Đạt		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 26
640	1900640	Nguyễn Tiến	Đạt		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 26
641	1900641	Phan Văn Phước	Đạt		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 26
642	1900642	Nguyễn Phan Trúc	Diêu		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 26
643	1900643	Trần Phúc Thực	Đoan		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 26
644	1900644	Bùi Ngọc Phương	Dung		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 26
645	1900645	Nguyễn Lương	Dung		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 26
646	1900646	Nguyễn Ngô Trí	Dũng		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 26
647	1900647	Nguyễn lương	Duy		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 26

648	1900648	Phuong Hoàng Nhất	Duy		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 26
649	1900649	Thi Lý Nhật	Duy		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 26
650	1900650	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 26
651	1900651	Phạm Thị Mỹ	Duyên		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 27
652	1900652	Trịnh Phú	Gia		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 27
653	1900653	Đinh Lê Hoàng	Giang		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 27
654	1900654	Phạm Thị Trà	Giang		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 27
655	1900655	Phạm Vũ Châu	Giang		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 27
656	1900656	Phan Huỳnh Hà	Giang		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 27
657	1900657	Lương Thị Trúc	Hà		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 27
658	1900658	Phí Thị Việt	Hà		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 27
659	1900659	Nguyễn Hữu Trúc	Hạ		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 27
660	1900660	Trần Lê Nhật	Hạ		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 27
661	1900661	Cao Mỹ	Hân		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 27
662	1900662	Lâm Hoàng Xuân	Hân		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 27
663	1900663	Lê Thị Ngọc	Hân		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 27
664	1900664	Nguyễn Mai Bảo	Hân		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 27
665	1900665	Phan Mai	Hân		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 27
666	1900666	Mạc Thị Thanh	Hằng		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 27
667	1900667	Nguyễn Phương Nhật	Hằng		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 27
668	1900668	Phan Nguyễn Kim	Hằng		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 27
669	1900669	Ngô Thành Nhân	Hậu		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 27
670	1900670	Trần Thị Diệu	Hiền		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 27
671	1900671	Nguyễn Đức Phúc	Hung		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 27
672	1900672	Huỳnh Như	Huong		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 27
673	1900673	Đặng Quốc	Huy		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 27
674	1900674	Đào Hữu	Huy		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 27
675	1900675	Hà Nguyên	Huy		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 27
676	1900676	Lê Hữu	Huy		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 28
677	1900677	Lê Huỳnh Hoàng	Huy		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 28
678	1900678	Lê Trung	Huy		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 28
679	1900679	Mai An	Huy		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 28
680	1900680	Mai Triệu	Huy		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 28
681	1900681	Phạm Ngô Gia	Huy		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 28
682	1900682	Tôn Thất Quang	Huy		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 28
683	1900683	Võ Hoàng	Huy		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 28
684	1900684	Trần Hoàng Xuân	Hy		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 28
685	1900685	Hồ Nguyên	Kha		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 28
686	1900686	Đỗ	Khang		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 28
687	1900687	Lê Duy	Khang		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 28
688	1900688	Nguyễn	Khang		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 28
689	1900689	Nguyễn Gia	Khang		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 28
690	1900690	Nguyễn Lê Nguyên	Khang		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 28
691	1900691	Nguyễn Trọng	Khang		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 28
692	1900692	Phạm Nguyên	Khang		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 28
693	1900693	WangAn	Khang		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 28
694	1900694	Hoàng Vi	Khanh		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 28

695	1900695	Tôn Nữ Mai	Khanh		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 28
696	1900696	Trần Huyền	Khanh		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 28
697	1900697	Nguyễn Bảo	Khánh		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 28
698	1900698	Nguyễn Đình	Khánh		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 28
699	1900699	Nguyễn Lưu Ngọc	Khánh		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 28
700	1900700	Nguyễn Võ Gia	Khánh		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 28
701	1900701	Võ Lương Gia	Khánh		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 29
702	1900702	Cát Minh	Khoa		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 29
703	1900703	Đặng Nguyễn	Khoa		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 29
704	1900704	Nguyễn Đăng	Khoa		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 29
705	1900705	Nguyễn Hồ Minh	Khoa		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 29
706	1900706	Trần Minh Văn	Khoa		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 29
707	1900707	Trương Nhật	Khoa		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 29
708	1900708	Dương Minh	Khuê		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 29
709	1900709	Lê Nguyễn Minh	Khuê		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 29
710	1900710	Phùng Hữu	Kiên		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 29
711	1900711	Huỳnh Minh	Kiệt		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 29
712	1900712	Trần Tuấn	Kiệt		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 29
713	1900713	Võ Nhật	Lam		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 29
714	1900714	Nguyễn Ngọc	Lân		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 29
715	1900715	Châu Nguyễn Khánh	Linh		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 29
716	1900716	Hồ Ngọc	Linh		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 29
717	1900717	Lê Bá Ngọc	Linh		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 29
718	1900718	Lê Mỹ Khánh	Linh		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 29
719	1900719	Lê Nguyễn Thùy	Linh		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 29
720	1900720	Nguyễn Thị Khánh	Linh		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 29
721	1900721	Nguyễn Trần Khánh	Linh		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 29
722	1900722	Nguyễn Võ Tường	Linh		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 29
723	1900723	Phạm Thị Mỹ	Linh		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 29
724	1900724	Phan Dương Thùy	Linh		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 29
725	1900725	Phan Ngọc Thùy	Linh		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 29
726	1900726	Phan Ngọc Trúc	Linh		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 30
727	1900727	Trần Thị Khánh	Linh		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 30
728	1900728	Võ Cao Khánh	Linh		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 30
729	1900729	Lê Bình Phương	Lộc		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 30
730	1900730	Nguyễn Quốc	Lộc		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 30
731	1900731	Nguyễn Văn	Lợi		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 30
732	1900732	Phan Thành	Luân		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 30
733	1900733	Hoàng Ngọc Quang	Minh		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 30
734	1900734	Ngô Phương	Minh		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 30
735	1900735	Nguyễn Thanh Bình	Minh		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 30
736	1900736	Võ Thị Ngọc	Minh		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 30
737	1900737	Lê Đình Hải	Nam		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 30
738	1900738	Nguyễn Đỗ Nhật	Nam		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 30
739	1900739	Võ Thị Như	Nam		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 30
740	1900740	Hoàng Quỳnh	Nga		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 30
741	1900741	Nguyễn Bảo	Ngân		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 30

742	1900742	Nguyễn Phan Hoàng	Ngân		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 30
743	1900743	Nguyễn Thanh	Ngân		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 30
744	1900744	Nguyễn Thị Thanh	Ngân		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 30
745	1900745	Phan Trần Bảo	Ngân		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 30
746	1900746	Trần Thị Kim	Ngân		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 30
747	1900747	Huỳnh Phan Thảo	Nghi		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 30
748	1900748	Nguyễn Hoàng Bảo	Nghi		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 30
749	1900749	Thiều Thuận	Nghi		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 30
750	1900750	Đặng Trần Minh	Ngọc		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 30
751	1900751	Huỳnh Lê Bảo	Ngọc		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 31
752	1900752	Lê Minh	Ngọc		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 31
753	1900753	Nguyễn Đình Bảo	Ngọc		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 31
754	1900754	Nguyễn Như Bảo	Ngọc		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 31
755	1900755	Phan Thị Thanh	Ngọc		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 31
756	1900756	Trần Mỹ	Ngọc		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 31
757	1900757	Trần Thị Bảo	Ngọc		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 31
758	1900758	Đặng Nguyễn Bình	Nguyễn		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 31
759	1900759	Đào Xuân	Nguyễn		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 31
760	1900760	Đỗ Nguyễn Thảo	Nguyễn		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 31
761	1900761	Lê Diệu	Nguyễn		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 31
762	1900762	Lương Tâm	Nguyễn		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 31
763	1900763	Mai Xuân	Nguyễn		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 31
764	1900764	Thái Lê	Nguyễn		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 31
765	1900765	Trần Phúc	Nguyễn		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 31
766	1900766	Trịnh Võ Khôi	Nguyễn		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 31
767	1900767	NGô Thị Hạnh	Nhân		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 31
768	1900768	Hồ Thị Phương	Nhi		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 31
769	1900769	Lê Vũ Uyên	Nhi		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 31
770	1900770	Lương Hồ Quỳnh	Nhi		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 31
771	1900771	Lương Xuân	Nhi		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 31
772	1900772	Ngô Yên	Nhi		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 31
773	1900773	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Nhi		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 31
774	1900774	Nguyễn Thảo	Nhi		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 31
775	1900775	Trần Cao Hạnh	Nhi		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 1, 7g15 - 9g45	Phòng 31
776	1900776	Đoàn Vũ Hạ	Như		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 1
777	1900777	Nguyễn Quỳnh	Như		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 1
778	1900778	Nguyễn Hồng	Nhung		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 1
779	1900779	Phan Đỗ Kiều	Oanh		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 1
780	1900780	Phạm Tiến	Phát		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 1
781	1900781	Trần Quang Tiến	Phát		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 1
782	1900782	Cao Thanh	Phong		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 1
783	1900783	Lê Thanh	Phong		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 1
784	1900784	Nguyễn Thành	Phú		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 1
785	1900785	Nguyễn Ngọc Minh	Phúc		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 1
786	1900786	Phạm Viết Gia	Phúc		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 1
787	1900787	Phan Lê Hồng	Phúc		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 1
788	1900788	Tổng Viết Nguyên	Phúc		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 1

789	1900789	Võ Nam	Phúc		Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 1
790	1900790	Lê Trung	Phước		Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 1
791	1900791	Nguyễn Lộc	Phước		Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 1
792	1900792	Hồ Mai	Phương		Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 1
793	1900793	Lục Hiếu	Phương		Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 1
794	1900794	Mai Dương Quỳnh	Phương		Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 1
795	1900795	Nguyễn Thị Hoài	Phương		Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 1
796	1900796	Phạm Phan Minh	Phương		Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 1
797	1900797	Phạm Võ Mai	Phương		Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 1
798	1900798	Trịnh Võ Nam	Phương		Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 1
799	1900799	Cái Trọng Minh	Quân		Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 1
800	1900800	Đỗ Anh	Quân		Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 1
801	1900801	Đỗ Anh	Quân		Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 2
802	1900802	Lê Phan	Quân		Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 2
803	1900803	Ngô Minh	Quân		Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 2
804	1900804	Nguyễn Hà Anh	Quân		Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 2
805	1900805	Nguyễn Hoàng	Quân		Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 2
806	1900806	Nguyễn Lê Anh	Quân		Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 2
807	1900807	Hoàng Đình Vinh	Quang		Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 2
808	1900808	Mai Nam	Quốc		Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 2
809	1900809	Nguyễn Văn	Quốc		Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 2
810	1900810	Lê Bảo	Quý		Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 2
811	1900811	Nguyễn Bảo	Quý		Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 2
812	1900812	Nguyễn Phước	Quý		Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 2
813	1900813	Nguyễn Thục	Quyên		Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 2
814	1900814	Thái Bảo	Quyên		Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 2
815	1900815	Đỗ Vũ Trúc	Quỳnh		Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 2
816	1900816	Đoàn Trương Đan	Quỳnh		Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 2
817	1900817	Thân Ngọc Khánh	Quỳnh		Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 2
818	1900818	Trần Như	Quỳnh		Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 2
819	1900819	Dương Hải	Sa		Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 2
820	1900820	Trần Ngọc Kim	Sa		Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 2
821	1900821	Nguyễn Tấn	Tài		Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 2
822	1900822	Nguyễn Thành	Tài		Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 2
823	1900823	Nguyễn Thành	Tài		Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 2
824	1900824	Nguyễn Trọng	Tài		Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 2
825	1900825	Đỗ Thành	Tâm		Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 2
826	1900826	Huỳnh Minh	Tâm		Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 3
827	1900827	Lê Thanh	Tâm		Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 3
828	1900828	Nguyễn Thiện	Thắng		Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 3
829	1900829	Nguyễn Văn	Thành		Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 3
830	1900830	Nguyễn Văn`	Thành		Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 3
831	1900831	Trần Văn	Thành		Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 3
832	1900832	Trần Ngọc Miên	Thảo		Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 3
833	1900833	Phan Vũ Bảo	Thiên		Khối 3	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 3
834	1900834	Bùi Tấn	Thiện		Khối 4	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 3
835	1900835	Chế Văn	Thiện		Khối 5	Phù Đồng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 3

836	1900836	Nguyễn Khả Phước	Thiện		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 3
837	1900837	Nguyễn Gia	Thiều		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 3
838	1900838	Hoàng Ngọc	Thịnh		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 3
839	1900839	Nguyễn Thanh Huy	Thịnh		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 3
840	1900840	Phan Hồ Quốc	Thịnh		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 3
841	1900841	Lương Thanh Anh	Thư		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 3
842	1900842	Nguyễn Thị Anh	Thư		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 3
843	1900843	Nguyễn Nhật	Thuận		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 3
844	1900844	Phạm Ngọc Đan	Thục		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 3
845	1900845	Thái Thị Thu	Thủy		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 3
846	1900846	Phạm Anh	Thy		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 3
847	1900847	Trần Anh	Thy		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 3
848	1900848	Trần Nguyễn Nhật	Thy		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 3
849	1900849	Bùi Hồ Cát	Tiên		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 3
850	1900850	Cao Hoàng Thủy	Tiên		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 3
851	1900851	Đỗ Phan Quỳnh	Tiên		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 4
852	1900852	Ngô Trần Việt	Tiên		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 4
853	1900853	Nguyễn Lê Thủy	Tiên		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 4
854	1900854	Phan Thảo	Tiên		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 4
855	1900855	Trần Anh	Tiên		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 4
856	1900856	Nguyễn Ngọc	Tiến		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 4
857	1900857	Nguyễn Lương	Tính		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 4
858	1900858	Thái Trần Trung	Tính		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 4
859	1900859	Lê Khánh	Toàn		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 4
860	1900860	Vô Nhật	Toàn		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 4
861	1900861	Đoàn Lê Ngọc	Trâm		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 4
862	1900862	Lê Đỗ Ngọc	Trâm		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 4
863	1900863	Trần Huỳnh Thị	Trâm		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 4
864	1900864	Nguyễn Phan Minh	Trân		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 4
865	1900865	Phạm Quỳnh Xuân	Trân		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 4
866	1900866	Trần Bảo	Trân		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 4
867	1900867	Đỗ Phan Quỳnh	Trang		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 4
868	1900868	Dương Thị Thủy	Trang		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 4
869	1900869	Trần Diệu	Trang		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 4
870	1900870	Hồ Quang Minh	Trí		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 4
871	1900871	Mai Phước	Trí		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 4
872	1900872	Ngô Văn Đắc	Trí		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 4
873	1900873	Nguyễn Trần Minh	Triết		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 4
874	1900874	Lê Tuệ	Triều		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 4
875	1900875	Trần Thị Ngọc	Trinh		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 4
876	1900876	Hoàng Nhã	Trúc		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 5
877	1900877	Viên Thị Thanh	Trúc		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 5
878	1900878	Lê Hữu	Trung		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 5
879	1900879	Nguyễn Văn	Trung		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 5
880	1900880	Nguyễn	Tuấn		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 5
881	1900881	Võ Anh	Tuấn		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 5
882	1900882	Hồ Hoàng	Tùng		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 5

883	1900883	Nguyễn Thanh	Tùng		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 5
884	1900884	Nguyễn Hồ Cát	Tường		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 5
885	1900885	Phạm Lê Cát	Tường		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 5
886	1900886	Đoàn Phương	Uyên		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 5
887	1900887	Lê Phương	Uyên		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 5
888	1900888	Lý Phương	Uyên		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 5
889	1900889	Nguyễn Ngô Thảo	Uyên		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 5
890	1900890	Nguyễn Phương	Uyên		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 5
891	1900891	Phạm Thị Xuân	Uyên		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 5
892	1900892	Trần Tâm	Uyên		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 5
893	1900893	Lưu Mai Hoài	Vân		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 5
894	1900894	Lê Hà	Vi		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 5
895	1900895	Nguyễn Thanh	Vinh		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 5
896	1900896	Trần Công	Vinh		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 5
897	1900897	Võ Hoàng Đức	Vinh		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 5
898	1900898	Trương Hoàng	Vũ		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 5
899	1900899	Đặng Ngọc Thảo	Vy		Khối 5	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 5
900	1900900	Nguyễn Bình Xuân	Vy		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 5
901	1900901	Trương Phan Khánh	Vy		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 6
902	1900902	Lê Thị Lan	Xuân		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 6
903	1900903	Phạm Bùi Ái	Xuân		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 6
904	1900904	Tăng Lê Nhã	Y		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 6
905	1900905	Vũ Hoàng Như	Ý		Khối 4	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 6
906	1900906	Hồ Hải	Yến		Khối 3	Phù Đổng	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 6
907	1900907	Biện Thành	Nhân		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 6
908	1900908	Bùi Anh	Khoa	12/09/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 6
909	1900909	Bùi Khánh	Trân		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 6
910	1900910	Bùi Kim	Thuyền		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 6
911	1900911	Châu Thị Kim	Anh		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 6
912	1900912	Đàm Nguyên	Khánh	27/01/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 6
913	1900913	Đặng Nguyễn Thiên	An		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 6
914	1900914	Đặng Sinh	My		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 6
915	1900915	Đặng Trần Gia	Ly	19/08/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 6
916	1900916	Đặng Xuân	Nhật	07/01/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 6
917	1900917	Đào Ngọc Nam	Anh	18/07/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 6
918	1900918	Đinh Đỗ Trâm	Anh		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 6
919	1900919	Đinh Lê Phương	Uyên		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 6
920	1900920	Đinh Trần Hà	An	11/06/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 6
921	1900921	Đỗ Dạ Anh	Thư	11/02/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 6
922	1900922	Đỗ Duy	Phụng		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 6
923	1900923	Đỗ Duy	Quốc		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 6
924	1900924	Đỗ phú minh	đức		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 6
925	1900925	Dương Hoàng Khánh	Ngân		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 6
926	1900926	Dương Như	Quyên		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 7
927	1900927	Dương Quang	Khánh		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 7
928	1900928	Dương Tấn	Huy	27/02/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 7
929	1900929	Dương Tấn Quốc	Thắng		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 7

930	1900930	Dương Trần Hiền	Vy	24/09/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 7
931	1900931	Hà Nguyễn Minh	Khuê	01/11/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 7
932	1900932	Hà Phạm Ngọc	Huyền	12/10/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 7
933	1900933	Hồ Bùi Văn	Trung	25/02/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 7
934	1900934	Hồ Nguyễn Giang	Khánh		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 7
935	1900935	Hồ Nhật	Khánh		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 7
936	1900936	Hồ Phan Thảo	Nguyên		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 7
937	1900937	Hoàng Hữu Anh	Hào	08/01/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 7
938	1900938	Hoàng Kỳ	Anh		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 7
939	1900939	Hoàng Ngọc Đăng	Khoa		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 7
940	1900940	Hoàng Thái	Kính		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 7
941	1900941	Hoàng Thị Khánh	Linh	24/02/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 7
942	1900942	Hoàng Thị Như	Nguyệt		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 7
943	1900943	Huỳnh Lê Minh	Thư		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 7
944	1900944	Huỳnh Ngọc Mai	Khanh		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 7
945	1900945	Huỳnh Ngọc Minh	Thư	11/03/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 7
946	1900946	Huỳnh Thanh	Thúy	28/06/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 7
947	1900947	Huỳnh Vũ Thùy	Trang	10/03/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 7
948	1900948	Kiều Phước Thiện	An	18/10/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 7
949	1900949	Lê An	Thy		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 7
950	1900950	Lê Đình Bảo	Phúc		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 7
951	1900951	Lê Đức	Khang		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 8
952	1900952	Lê Đức Thực	Quân	07/02/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 8
953	1900953	Lê Hồ Khánh	Như		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 8
954	1900954	Lê Hoàng	Nam	12/07/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 8
955	1900955	Lê Hữu	Truyền		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 8
956	1900956	Lê Huy	Đức	24/01/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 8
957	1900957	Lê Ngọc	Khánh		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 8
958	1900958	Lê Ngọc Thanh	Tâm		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 8
959	1900959	Lê Nguyễn Bảo	Hân		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 8
960	1900960	Lê Nguyễn Thanh	Trà	08/06/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 8
961	1900961	Lê Nguyễn Trường	Vỹ	20/06/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 8
962	1900962	Lê Phước Anh	Thư		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 8
963	1900963	Lê Quang	Thành	10/01/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 8
964	1900964	Lê Quốc	Long		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 8
965	1900965	Lê Sĩ	Hậu	03/06/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 8
966	1900966	Lê Thảo	Nguyên		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 8
967	1900967	Lê Trần Quỳnh	Anh		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 8
968	1900968	Lê Trần Uyên	Nhi	15/04/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 8
969	1900969	Lê Trọng	Đạt	09/04/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 8
970	1900970	Lê Trương Thực	Nhi	17/05/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 8
971	1900971	Lê Võ Hoàng	Duy		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 8
972	1900972	Lê Xuân Hoàng	Duyên		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 8
973	1900973	Lương ngọc minh	thư		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 8
974	1900974	Lương Ngọc Phú	Quang		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 8
975	1900975	Lương Thạch	Hân	16/07/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 8
976	1900976	Lưu An	Nguyên	12/05/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 9

977	1900977	Mai hồ anh	thy		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 9
978	1900978	Ngô Anh	Tuấn		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 9
979	1900979	Ngô Minh	Tâm		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 9
980	1900980	Ngô Quốc	Tín	26/07/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 9
981	1900981	Ngô Thị Thanh	Thảo	12/01/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 9
982	1900982	Nguyễn Công Bảo	Khôi		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 9
983	1900983	Nguyễn Cửu Nhật	Uyên	26/05/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 9
984	1900984	Nguyễn Đình Anh	Nguyên		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 9
985	1900985	Nguyễn Đức	Anh	07/07/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 9
986	1900986	Nguyễn Đức	Nam		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 9
987	1900987	Nguyễn Duy	Anh		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 9
988	1900988	Nguyễn Duy Khánh	Đan		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 9
989	1900989	Nguyễn Gia	Bảo	12/01/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 9
990	1900990	Nguyễn Hà Mỹ	Uyên		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 9
991	1900991	Nguyễn Hà Ngọc	Anh		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 9
992	1900992	Nguyễn Hồ Phương	Thảo		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 9
993	1900993	Nguyễn Hoàng Cát	Vy	05/01/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 9
994	1900994	Nguyễn Hoàng Thanh	Nhã		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 9
995	1900995	Nguyễn Hoàng Trúc	Linh		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 9
996	1900996	Nguyễn Hoàng Ý	Nhi		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 9
997	1900997	Nguyễn Hữu Nam	Khánh		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 9
998	1900998	Nguyễn Hữu	Nhân		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 9
999	1900999	Nguyễn Huyền	Chi		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 9
1000	1901000	Nguyễn Huỳnh Khánh	Hoàng	02/01/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 9
1001	1901001	Nguyễn Huỳnh Thủy	Tiên		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 10
1002	1901002	Nguyễn Huỳnh Tình	Đoan		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 10
1003	1901003	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 10
1004	1901004	Nguyễn Minh	Phương		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 10
1005	1901005	Nguyễn Minh	Quân		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 10
1006	1901006	Nguyễn Minh	Thư		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 10
1007	1901007	Nguyễn Ngô Đăng	Khoa		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 10
1008	1901008	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	18/06/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 10
1009	1901009	Nguyễn Ngọc	Hân	09/07/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 10
1010	1901010	Nguyễn Ngọc Khánh	Nguyên	08/03/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 10
1011	1901011	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 10
1012	1901012	Nguyễn Ngọc	Lâm		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 10
1013	1901013	Nguyễn Ngọc Mẫn	Nhi		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 10
1014	1901014	Nguyễn Ngọc Minh	Thư		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 10
1015	1901015	Nguyễn Ngọc Thảo	Nhiên	02/06/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 10
1016	1901016	Nguyễn Phan Phương	Linh		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 10
1017	1901017	Nguyễn Phan Tuấn	Kiệt		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 10
1018	1901018	Nguyễn Phương	Uyên		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 10
1019	1901019	Nguyễn Quang	Thông	06/01/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 10
1020	1901020	Nguyễn Quốc	Quân	20/01/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 10
1021	1901021	Nguyễn Quốc	Toàn		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 10
1022	1901022	Nguyễn Quốc	Trí		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 10
1023	1901023	Nguyễn Quốc Trường	Hiển	16/01/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 10

1024	1901024	Nguyễn thái	quân		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 10
1025	1901025	Nguyễn Thanh Bảo	Ngọc		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 10
1026	1901026	Nguyễn Thanh	Huyền		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 11
1027	1901027	Nguyễn Thanh	Việt	12/04/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 11
1028	1901028	Nguyễn Thảo	Anh		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 11
1029	1901029	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 11
1030	1901030	Nguyễn Thị Diệu	Hoa	08/09/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 11
1031	1901031	Nguyễn Thị Mỹ	Chi	09/11/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 11
1032	1901032	Nguyễn Thị Mỹ	Phương		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 11
1033	1901033	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 11
1034	1901034	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	30/10/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 11
1035	1901035	Nguyễn Thị Như	Ý		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 11
1036	1901036	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 11
1037	1901037	Nguyễn Thị Thảo	Vy		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 11
1038	1901038	Nguyễn Thị Thúy	Vy	05/07/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 11
1039	1901039	Nguyễn Thị Uyên	Nhi		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 11
1040	1901040	Nguyễn Thụy Thảo	Vy	23/08/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 11
1041	1901041	Nguyễn Trần Anh	Thư		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 11
1042	1901042	Nguyễn Trần Hoàng	Diễn	24/01/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 11
1043	1901043	Nguyễn trọng thụy	my		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 11
1044	1901044	Nguyễn Văn	Hung		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 11
1045	1901045	Nguyễn Việt	Bách		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 11
1046	1901046	Nguyễn Việt	Hoàng		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 11
1047	1901047	Nguyễn Viêt	Tiến	18/12/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 11
1048	1901048	Nguyễn Vô Thúy	Hằng	29/10/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 11
1049	1901049	Nguyễn Vũ Nguyên	Kha		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 11
1050	1901050	Nguyễn Xuân	Phú		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 11
1051	1901051	Ông Ích Thành	Quang	21/12/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 12
1052	1901052	Phạm Bùi Như	Quỳnh	26/07/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 12
1053	1901053	Phạm Đặng Xuân	Duy	02/08/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 12
1054	1901054	Phạm Đình Gia	Hy		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 12
1055	1901055	Phạm Minh	Hoàng		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 12
1056	1901056	Phạm Nguyễn Anh	Thư		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 12
1057	1901057	Phạm Quốc	Khánh	31/08/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 12
1058	1901058	Phạm Quốc	Thái	09/07/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 12
1059	1901059	Phạm Quỳnh	Anh		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 12
1060	1901060	Phạm Thảo	Ly	01/02/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 12
1061	1901061	Phan Bá Sỹ	Khôi	27/12/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 12
1062	1901062	Phan Đức	Huy	02/01/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 12
1063	1901063	Phan Duy	Bảo	01/06/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 12
1064	1901064	Phan Gia	Hân		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 12
1065	1901065	Phan Huỳnh Tiến	Đạt	05/09/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 12
1066	1901066	Phan Nguyễn Cẩm	Thanh		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 12
1067	1901067	Phan Quý Như	Ngọc	20/07/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 12
1068	1901068	Phan Xuân	Hiệp		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 12
1069	1901069	Sử Duy	Khang		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 12
1070	1901070	Tôn Nữ Đoan	Trang		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 12

1071	1901071	Tôn Nữ Thanh	Son		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 12
1072	1901072	Trần Bảo	Trang		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 12
1073	1901073	Trần Đại	Nghĩa		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 12
1074	1901074	Trần Hoài	An		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 12
1075	1901075	Trần Hữu	Quý	11/09/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 12
1076	1901076	Trần Huy	Hoàng		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 13
1077	1901077	Trần Khánh	Quốc		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 13
1078	1901078	Trần Ngọc Thanh	Bình		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 13
1079	1901079	Trần Nguyễn Thùy	Tiên	15/11/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 13
1080	1901080	Trần Nhân	Kiệt	11/06/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 13
1081	1901081	Trần Nhật	Khang		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 13
1082	1901082	Trần Phan Nam	Đàn		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 13
1083	1901083	Trần Phan Ngọc	Khuê	23/09/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 13
1084	1901084	Trần Phúc Viên	An		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 13
1085	1901085	Trần Quỳnh	Châu		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 13
1086	1901086	Trần Thanh	Thảo		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 13
1087	1901087	Trần Thị Khánh	Ngọc		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 13
1088	1901088	Trần Thị Xuân	Nguyên	06/03/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 13
1089	1901089	Trần Tuấn	Kiệt		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 13
1090	1901090	Trần Văn Hoàng	Phúc	07/06/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 13
1091	1901091	Trần Vũ Uyên	Thy	31/01/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 13
1092	1901092	Trần Yển	Phương		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 13
1093	1901093	Trương Bảo	Hân	26/09/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 13
1094	1901094	Trương Minh	Quốc		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 13
1095	1901095	Trương Nguyễn Nhã	Khanh		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 13
1096	1901096	Trương Tấn	Vũ		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 13
1097	1901097	Trương Thúy	Huyền		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 13
1098	1901098	Văn Anh	Thư		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 13
1099	1901099	Võ Bá	Chính	23/02/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 13
1100	1901100	Võ Bạch	Vân		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 13
1101	1901101	Võ	Long		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 14
1102	1901102	Võ Minh	Thiện		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 14
1103	1901103	Võ Nguyễn Đình Hoàng	Anh		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 14
1104	1901104	Võ Phúc	Lộc		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 14
1105	1901105	Võ Quang	Duy		Khối 4	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 14
1106	1901106	Võ Thái	Hiền		Khối 3	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 14
1107	1901107	Võ Vân	Nguyên	21/04/04	Khối 5	Trần Văn Ôn	Hải Châu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 14
1108	1901108	Trần Hồ Trung	Hậu	19/03/06	Khối 3	Hòa Bắc	Hòa Vang	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 14
1109	1901109	Nguyễn Hà Long	Khánh	02/01/05	Khối 4	Hòa Bắc	Hòa Vang	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 14
1110	1901110	Đỗ Trần Ngọc	Khuê	22/05/05	Khối 4	Hòa Bắc	Hòa Vang	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 14
1111	1901111	Tạ Tuấn	Kiệt	20/03/05	Khối 4	Hòa Bắc	Hòa Vang	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 14
1112	1901112	Nguyễn Thị Ly	Ly	20/12/05	Khối 4	Hòa Bắc	Hòa Vang	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 14
1113	1901113	Nguyễn Trần Hưng	Thịnh	01/01/06	Khối 3	Hòa Bắc	Hòa Vang	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 14
1114	1901114	Trương Thị Yển	Vân	26/10/06	Khối 3	Hòa Bắc	Hòa Vang	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 14
1115	1901115	Bùi Ngọc Phương	Anh	01/07/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 14
1116	1901116	Bùi Quang	Thắng	13/11/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 14
1117	1901117	Đặng Châu	Anh	01/07/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiểu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 14

1118	1901118	Đặng Thu	Ngân	06/02/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 14
1119	1901119	Đinh Lâm Hồng	Quân	24/02/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 14
1120	1901120	Đinh Quỳnh	Trúc	15/11/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 14
1121	1901121	Đinh Trần Bảo	Uyên	29/03/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 14
1122	1901122	Đỗ Nguyễn Quỳnh	Duyên	14/05/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 14
1123	1901123	Đoàn Thị Diệu	Hòa	05/04/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 14
1124	1901124	Dương Nguyễn Bình	Khánh	27/01/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 14
1125	1901125	Dương Thành	Nguyên	01/01/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 14
1126	1901126	Dương Thị Thảo	Vy	19/05/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 15
1127	1901127	Hà Khánh	Quỳnh	15/03/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 15
1128	1901128	Hồ Duy Thảo	Nhi	26/03/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 15
1129	1901129	Hồ Ngô Bảo	Thư	13/08/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 15
1130	1901130	Hồ Ngọc	Hung	20/09/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 15
1131	1901131	Hồ Thị Hiền	Giang	09/05/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 15
1132	1901132	Hồ Trần Văn	Ly	17/01/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 15
1133	1901133	Hoàng Hữu	Trung	24/04/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 15
1134	1901134	Huỳnh Thị Bảo	Hân	06/02/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 15
1135	1901135	Lê Đức	Lực	01/04/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 15
1136	1901136	Lê Hoàng	Min	06/12/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 15
1137	1901137	Lê Hữu	Hung	18/03/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 15
1138	1901138	Lê Mai	Phuong	27/07/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 15
1139	1901139	Lê Minh	Thư	10/03/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 15
1140	1901140	Lê Nguyễn Thảo	Ly	16/07/05	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 15
1141	1901141	Lê Nữ Thiên	Thư	05/08/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 15
1142	1901142	Lê Quang	Minh	31/10/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 15
1143	1901143	Lê Quỳnh Thảo	Nguyên	16/04/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 15
1144	1901144	Lê Thanh Nữ Thùy	Duyên	04/03/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 15
1145	1901145	Lê Thảo	Vy	07/09/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 15
1146	1901146	Lê Thị Bích	Hợp	17/09/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 15
1147	1901147	Lê Triều Mai	Trang	02/03/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 15
1148	1901148	Lê Viết Anh	Huy	29/11/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 15
1149	1901149	Lương Thị Hoài	Mi	02/12/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 15
1150	1901150	Lương Trí	Cơ	21/10/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 15
1151	1901151	Lương Vũ Xuân	Quỳnh	10/01/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 16
1152	1901152	Lưu Hoàng Thiên	Ân	01/01/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 16
1153	1901153	Lưu Nguyễn Trường	Đạt	01/07/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 16
1154	1901154	Lưu Văn	Đạt	08/12/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 16
1155	1901155	Mai Hoàng Linh	Chi	09/03/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 16
1156	1901156	Mai Xuân Tùng	Dương	12/07/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 16
1157	1901157	Ngô Hoàng	Nam	25/05/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 16
1158	1901158	Ngô Huỳnh Gia	Hân	01/05/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 16
1159	1901159	Ngô Ngọc Diệu	Thảo	20/05/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 16
1160	1901160	Nguyễn Bạch Thùy	Tiên	05/11/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 16
1161	1901161	Nguyễn Châu	Linh	06/11/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 16
1162	1901162	Nguyễn Đăng Chí	Hung	22/05/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 16
1163	1901163	Nguyễn Diệu	Linh	03/06/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 16
1164	1901164	Nguyễn Đình	Khoa	07/09/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 16

1165	1901165	Nguyễn Hà Phương	Uyên	04/10/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 16
1166	1901166	Nguyễn Hà Thảo	Nhi	02/07/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 16
1167	1901167	Nguyễn Hoàng	Hải	16/11/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 16
1168	1901168	Nguyễn Hoàng	Quân	19/01/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 16
1169	1901169	Nguyễn Hồng	Ánh	28/07/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 16
1170	1901170	Nguyễn Khánh	Ngọc	01/03/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 16
1171	1901171	Nguyễn Lê Phương	Thảo	10/02/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 16
1172	1901172	Nguyễn Lê Thùy	Linh	19/01/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 16
1173	1901173	Nguyễn Mai	Anh	16/01/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 16
1174	1901174	Nguyễn Ngọc Khánh	An	12/05/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 16
1175	1901175	Nguyễn Ngọc Khánh	Quỳnh	18/03/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 16
1176	1901176	Nguyễn Ngọc Mai	Như	12/04/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 17
1177	1901177	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	28/05/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 17
1178	1901178	Nguyễn Nhật	Huy	21/05/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 17
1179	1901179	Nguyễn Phan Bảo	Trân	29/11/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 17
1180	1901180	Nguyễn Thanh	Thanh	01/09/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 17
1181	1901181	Nguyễn Thị Diệu	Anh	30/05/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 17
1182	1901182	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	04/03/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 17
1183	1901183	Nguyễn Thị Quỳnh	Vi	21/02/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 17
1184	1901184	Nguyễn Thu	Phương	26/09/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 17
1185	1901185	Nguyễn Trần Quang	Huy	06/05/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 17
1186	1901186	Nguyễn Văn	Phương	31/01/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 17
1187	1901187	Nguyễn Việt	Hùng	29/09/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 17
1188	1901188	Nguyễn Việt	Thành	09/02/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 17
1189	1901189	Nguyễn Xuân Gia	Bảo	06/05/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 17
1190	1901190	Phạm Đình	Bình	28/05/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 17
1191	1901191	Phạm Đình	Long	03/07/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 17
1192	1901192	Phạm Đoàn Nguyên	Trang	21/06/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 17
1193	1901193	Phạm Lê Gia N	Nguyên	20/01/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 17
1194	1901194	Phạm Lê	Tú	20/03/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 17
1195	1901195	Phạm Thảo	Nguyên	30/09/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 17
1196	1901196	Phạm Thị Cẩm	Linh	03/10/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 17
1197	1901197	Phạm Thị Mỹ	Duyên	15/10/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 17
1198	1901198	Phan Lê Khánh	Huyền	05/07/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 17
1199	1901199	Phan Ngọc Thảo	Nguyên	27/05/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 17
1200	1901200	Phan Nguyễn Tú	Trình	26/04/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 17
1201	1901201	Phan Thanh	Triều	18/01/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 18
1202	1901202	Phan Thanh	Tùng	06/05/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 18
1203	1901203	Phan Thị Minh	Ngọc	25/03/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 18
1204	1901204	Phan Uyên	Phương	02/08/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 18
1205	1901205	Thái Văn	Chiến	11/03/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 18
1206	1901206	Trần Anh	Vũ	09/02/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 18
1207	1901207	Trần Đặng Anh	Phương	18/04/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 18
1208	1901208	Trần Nguyễn Hoài	Nhi	10/06/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 18
1209	1901209	Trần Nguyễn Hoàng	Anh	12/04/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 18
1210	1901210	Trần Nhật Hoàng	Anh		Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 18
1211	1901211	Trần Quỳnh	An	22/10/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 18

1212	1901212	Trần Quỳnh	Giang	11/08/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 18
1213	1901213	Trần Thanh	Tùng	10/07/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 18
1214	1901214	Trần Thảo	Ngọc	22/02/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 18
1215	1901215	Trần Thị Minh	Tâm	03/10/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 18
1216	1901216	Trần Tuấn	Anh	06/07/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 18
1217	1901217	Trịnh Thị Ngọc	Tú	17/07/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 18
1218	1901218	Trương Lê Bảo	Ngọc	01/02/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 18
1219	1901219	Trương Ngọc	Huân	05/03/2004	Khối 5	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 18
1220	1901220	Trương Tấn	Hưng	10/12/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 18
1221	1901221	Võ Minh	Nhật	21/04/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 18
1222	1901222	Võ Quỳnh Phương	Trang	27/08/05	Khối 4	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 18
1223	1901223	Võ Thị Hoài	Nam	08/07/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 18
1224	1901224	Võ Văn	Toàn	03/01/06	Khối 3	Ngô Sĩ Liên	Liên Chiêu	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 18
1225	1901225	Trần Phương	Anh	12/09/06	khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 18
1226	1901226	Trương Đình Nguyên	Bảo	28/09/04	khối 5	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 19
1227	1901227	Đồng Lê Minh	Đạt	03/01/06	khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 19
1228	1901228	Lê Trần Ngọc	Diệp	21/11/06	khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 19
1229	1901229	Trần Đình	Dũng	11/07/2005	khối 4	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 19
1230	1901230	Võ Ngọc	Duy	20/08/06	khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 19
1231	1901231	Nguyễn Hiếu	Giang	03/08/2004	khối 5	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 19
1232	1901232	Trần Văn Minh	Hải	15/09/06	khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 19
1233	1901233	Lê Vũ Gia	Hân	14/12/2004	khối 5	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 19
1234	1901234	Nguyễn Bá	Hiếu	18/04/2005	khối 4	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 19
1235	1901235	Lê Khánh	Hoàng	19/10/06	khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 19
1236	1901236	Nguyễn Hữu	Kha	06/03/06	khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 19
1237	1901237	Lê Bùi Trung	Kiên	06/11/06	khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 19
1238	1901238	Lưu Hoàng	Minh	17/04/06	khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 19
1239	1901239	Ngô Ngọc Ni	Na	19/09/2004	khối 5	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 19
1240	1901240	Phạm Nguyễn Khánh	Ngân	29/07/06	khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 19
1241	1901241	Nguyễn Minh	Nhiên	06/11/06	khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 19
1242	1901242	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	02/07/06	khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 19
1243	1901243	Nguyễn Thị Hoài	Phương	03/10/2005	khối 4	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 19
1244	1901244	Nguyễn Đình Vy	Quân	23/08/06	khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 19
1245	1901245	Nguyễn Văn	Quốc	20/12/06	khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 19
1246	1901246	Huỳnh Thị Phương	Thảo	13/08/06	khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 19
1247	1901247	Nguyễn Phương	Thảo	21/02/2005	khối 4	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 19
1248	1901248	Nguyễn Hồ Ái	Thi	25/05/06	khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 19
1249	1901249	Nguyễn Hoàng Bình	Thịnh	09/12/06	khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 19
1250	1901250	Võ Thị Minh	Thu	06/10/06	khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 19
1251	1901251	Lại Nguyễn Anh	Thư	14/07//2006	khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 20
1252	1901252	Trần Đặng Bích	Trâm	21/06/06	khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 20
1253	1901253	Danh Trần Hoài	Trình	23/03/06	khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 20
1254	1901254	Phan Thị Thanh	Trúc	11/11/2005	khối 4	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 20
1255	1901255	Nguyễn Khắc	Trung	16/03/2005	khối 4	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 20
1256	1901256	Đặng Xuân	Truờng	02/04/06	khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 20
1257	1901257	Trần Viết	Tường	07/05/06	khối 3	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 20
1258	1901258	Nguyễn Thị Phương	Uyên	02/07/2004	khối 5	Lê Bá Trinh	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 20

1259	1901259	Thái Hoài	Vũ	16/06/06	khối 3	Lê Bá Trình	Ngũ Hành Sơn	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 20
1260	1901260	Nguyễn Thị	Kiều	15/01/04	Khối 5	Hai Bà Trưng	Sơn Trà	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 20
1261	1901261	Trần Khánh	Linh	04/05/04	Khối 5	Hai Bà Trưng	Sơn Trà	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 20
1262	1901262	Võ Quỳnh	Như	30/12/04	Khối 5	Hai Bà Trưng	Sơn Trà	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 20
1263	1901263	Huỳnh Lê Tú	Quỳnh	27/08/04	Khối 5	Hai Bà Trưng	Sơn Trà	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 20
1264	1901264	Nguyễn Văn	Tài	10/09/04	Khối 5	Hai Bà Trưng	Sơn Trà	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 20
1265	1901265	Nguyễn Trần Bảo	Trâm	24/02/04	Khối 5	Hai Bà Trưng	Sơn Trà	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 20
1266	1901266	Nguyễn Thị Thùy	Trang	02/07/04	Khối 5	Hai Bà Trưng	Sơn Trà	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 20
1267	1901267	Mai Thị Hải	Yến	26/01/04	Khối 5	Hai Bà Trưng	Sơn Trà	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 20
1268	1901268	Lê Võ Thảo	Nguyên	09/07/04	Khối 5	Đình Tiên Hoàng	Sơn Trà	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 20
1269	1901269	Nguyễn Thị Anh	Tú	29/11/04	Khối 5	Đình Tiên Hoàng	Sơn Trà	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 20
1270	1901270	Phan Xuân Hải	Anh	19/02/04	Khối 5	Đình Tiên Hoàng	Sơn Trà	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 20
1271	1901271	Vĩnh Huyền Tôn Nữ Bảo	Ngọc	02/11/05	Khối 4	Đình Tiên Hoàng	Sơn Trà	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 20
1272	1901272	Đỗ Châu	Sa	22/11/06	Khối 3	Nguyễn Du	Sơn Trà	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 20
1273	1901273	Nguyễn Đăng	An	19/01/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 20
1274	1901274	Nguyễn Hữu	An	27/6/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 20
1275	1901275	Hà Quốc	Anh	09/09/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 20
1276	1901276	Nguyễn Hoàng	Anh	17/8/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 21
1277	1901277	Nguyễn Thị Thanh	Bình	04/04/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 21
1278	1901278	Cao Hiền	Đạt	09/11/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 21
1279	1901279	Phạm Trung	Đệ	22/01/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 21
1280	1901280	Trần Hoàng Ngọc	Diệp	17/09/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 21
1281	1901281	Phan Tấn	Doanh	21/10/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 21
1282	1901282	Hoàng Đình Nhân	Đức	25/02/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 21
1283	1901283	Nguyễn Đăng Đức	Duy	04/12/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 21
1284	1901284	Nguyễn Tuệ	Giang	25/06/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 21
1285	1901285	Đoàn Trần Ngọc	Hân	19/9/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 21
1286	1901286	Trần Ngọc	Hân	30/1/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 21
1287	1901287	Đàm Văn	Hiền	28/07/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 21
1288	1901288	Dương Thị Kim	Hiền	19/5/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 21
1289	1901289	Phạm Lê Thanh	Huyền	17/5/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 21
1290	1901290	Huỳnh Tấn	Khoa	18/3/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 21
1291	1901291	Đàm Phạm Phương	Linh	28/04/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 21
1292	1901292	Phạm Lê Phương	Linh	18/5/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 21
1293	1901293	Hồ Phan	Minh	25/5/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 21
1294	1901294	Nguyễn Thị Như	Minh	02/02/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 21
1295	1901295	Trần Ngọc Bảo	My	02/01/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 21
1296	1901296	Lương Minh Bảo	Ngọc	04/08/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 21
1297	1901297	Dương Thị Kim	Nguyên	18/10/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 21
1298	1901298	Lê Ngọc Thương	Nguyên	25/9/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 21
1299	1901299	Phạm Hồng	Nhi	24/03/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 21
1300	1901300	Nguyễn Kế	Phúc	08/07/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 21
1301	1901301	Bùi Thục	Quyên	02/09/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 22
1302	1901302	Nguyễn Lê Thanh	Thiên	13/4/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 22
1303	1901303	Nguyễn Công	Thịnh	14/10/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 22
1304	1901304	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	28/06/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 22
1305	1901305	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	05/09/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 22

1306	1901306	Hồ Thanh Huy	Trúc	12/04/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 22
1307	1901307	Đinh Nguyễn Quỳnh	An	10/07/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 22
1308	1901308	Nguyễn Hồ Hòa	An	05/01/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 22
1309	1901309	Thân Đăng	An	08/03/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 22
1310	1901310	Đoàn Khuê	Anh	01/11/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 22
1311	1901311	Dương Thị Ngọc	Anh	01/02/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 22
1312	1901312	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	24/2/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 22
1313	1901313	Nguyễn Quang	Anh	13/03/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 22
1314	1901314	Nguyễn Thị Kim	Anh	24/12/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 22
1315	1901315	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	18/06/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 22
1316	1901316	Nguyễn Văn Gia	Bảo	09/05/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 22
1317	1901317	Bùi Quốc Gia	Bình	19/02/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 22
1318	1901318	Trần Mỹ	Bình	28/06/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 22
1319	1901319	Trần Quang	Bình	22/6/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 22
1320	1901320	Trương Thảo	Bình	03/07/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 22
1321	1901321	Lê Bích Bảo	Châu	20/10/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 22
1322	1901322	Phạm Thị Ngọc	Châu	15/09/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 22
1323	1901323	Trương Thị Minh	Châu	01/11/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 22
1324	1901324	Đào Ngọc Lan	Chi	02/04/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 22
1325	1901325	Đoàn Phan	Chí	18/02/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 22
1326	1901326	Bùi Quang	Chiến	17/10/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 23
1327	1901327	Đàm Nguyễn Mạnh	Cường	13/04/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 23
1328	1901328	Dương Công	Cường	18/02/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 23
1329	1901329	Trần Nguyễn Mạnh	Cường	18/5/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 23
1330	1901330	Thân Hải	Đăng	18/09/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 23
1331	1901331	Nguyễn Công	Danh	20/10/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 23
1332	1901332	Đỗ Thành	Đạt	18/02/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 23
1333	1901333	Nguyễn Tấn	Đạt	24/07/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 23
1334	1901334	Nguyễn Thành	Đạt	16/08/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 23
1335	1901335	Phan Võ Hoàng	Đạt	23/12/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 23
1336	1901336	Kiều Thị	Diệu	07/10/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 23
1337	1901337	Nguyễn Lê Quang	Đinh	19/4/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 23
1338	1901338	Phan Hồng	Doanh	09/07/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 23
1339	1901339	Lê Thùy	Dương	12/03/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 23
1340	1901340	Trần Nguyễn Khánh	Dương	02/02/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 23
1341	1901341	Nguyễn Công	Duy	01/02/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 23
1342	1901342	Nguyễn Đình	Duy	18/01/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 23
1343	1901343	Nguyễn Quang Phú	Duy	09/10/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 23
1344	1901344	Trương Nguyễn Ngọc	Duyên	11/01/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 23
1345	1901345	Nguyễn Phan Hoàng	Giang	25/9/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 23
1346	1901346	Nguyễn Thùy	Giang	20/08/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 23
1347	1901347	Võ Lê Quỳnh	Giang	08/04/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 23
1348	1901348	Trần Nguyễn Quỳnh	Giao	12/01/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 23
1349	1901349	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	14/06/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 23
1350	1901350	Lê Nguyễn Nhật	Hạ	23/07/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 23
1351	1901351	Nguyễn Thị Khánh	Hạ	20/07/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 24
1352	1901352	Võ Thanh	Hải	04/11/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 24

1353	1901353	Bùi Thục Gia	Hân	14/01/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 24
1354	1901354	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	06/08/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 24
1355	1901355	Châu Trần Thanh	Hằng	04/09/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 24
1356	1901356	Lê Thúy	Hằng	02/11/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 24
1357	1901357	Ngô Minh	Hằng	01/10/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 24
1358	1901358	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	19/6/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 24
1359	1901359	Trần Mai	Hạnh	17/11/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 24
1360	1901360	Lê Trần Thu	Hiền	20/1/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 24
1361	1901361	Phan Thị Việt	Hiền	18/02/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 24
1362	1901362	Nguyễn Đoàn Hoàng	Hiệp	05/12/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 24
1363	1901363	Đình Minh	Hiếu	29/1/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 24
1364	1901364	Huỳnh Phương Xuân	Hiếu	01/02/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 24
1365	1901365	Lê Công Đăng	Hiếu	06/03/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 24
1366	1901366	Lê Trọng	Hiếu	17/02/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 24
1367	1901367	Nguyễn Đỗ Kim	Hiếu	01/04/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 24
1368	1901368	Lê Ngọc Nhất	Hòa	10/01/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 24
1369	1901369	Nguyễn Phạm	Hoàn	18/1/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 24
1370	1901370	Nguyễn Thị Mỹ	Hoàn	25/08/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 24
1371	1901371	Hồ Trần Khải	Hoàng	28/01/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 24
1372	1901372	Lê Thanh	Hoàng	16/06/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 24
1373	1901373	Lê Trần Đức	Hoàng	03/11/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 24
1374	1901374	Nguyễn Đăng Huy	Hoàng	15/11/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 24
1375	1901375	Nguyễn Gia	Hoàng	14/04/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 24
1376	1901376	Trần	Hoàng	19/05/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 25
1377	1901377	Trần Ngọc Minh	Hoàng	22/12/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 25
1378	1901378	Võ Khánh	Hoàng	06/10/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 25
1379	1901379	Nguyễn Phúc	Hưng	23/7/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 25
1380	1901380	Nguyễn Văn Tiến	Hưng	15/06/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 25
1381	1901381	Trần Hoàng	Hưng	12/01/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 25
1382	1901382	Võ Hoàng Nguyên	Hưng	16/08/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 25
1383	1901383	Hà Minh	Huy	10/01/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 25
1384	1901384	Lê Hải	Huy	06/09/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 25
1385	1901385	Lê Minh	Huy	23/07/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 25
1386	1901386	Lương Gia	Huy	06/01/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 25
1387	1901387	Mai Đức Minh	Huy	09/09/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 25
1388	1901388	Nguyễn Hữu	Huy	09/10/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 25
1389	1901389	Nguyễn Lê Gia	Huy	16/01/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 25
1390	1901390	Phạm Quang	Huy	04/07/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 25
1391	1901391	Phan Nguyễn Minh	Huy	07/01/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 25
1392	1901392	Trần Văn Gia	Huy	04/04/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 25
1393	1901393	Võ Quốc	Huy	26/10/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 25
1394	1901394	Lê Ngọc	Huyền	15/11/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 25
1395	1901395	Lê Nguyễn Như	Huyền	20/12/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 25
1396	1901396	Lý Hồng Nhã	Ka	12/07/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 25
1397	1901397	Đào Ngọc Minh	Kha	26/3/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 25
1398	1901398	Nguyễn Như	Khải	10/06/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 25
1399	1901399	Nguyễn Hoàng Phương	Khang	14/08/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 25

1400	1901400	Nguyễn Trần Hữu	Khang	22/02/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 25
1401	1901401	Nguyễn Văn Nguyên	Khang	10/08/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 26
1402	1901402	Phan Yến	Khanh	04/11/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 26
1403	1901403	Trần Lê	Khanh	22/8/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 26
1404	1901404	Trần Nguyễn Kim Quốc	Khánh	20/8/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 26
1405	1901405	Nguyễn Hữu	Khiêm	03/06/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 26
1406	1901406	Huỳnh Anh	Khoa	10/04/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 26
1407	1901407	Nguyễn Thành	Khoa	15/12/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 26
1408	1901408	Phạm Văn	Khoa	15/7/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 26
1409	1901409	Trần Minh	Khoa	19/6/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 26
1410	1901410	Biên Anh	Khôi	02/04/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 26
1411	1901411	Huỳnh Nguyễn	Khôi	06/09/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 26
1412	1901412	Lê Viết Hoài	Khôi	18/11/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 26
1413	1901413	Nguyễn Lê Chí	Kiên	31/5/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 26
1414	1901414	Thái Trần Trung	Kiên	08/09/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 26
1415	1901415	Đình Anh	Kiệt	11/08/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 26
1416	1901416	Đoàn Tuấn	Kiệt	11/07/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 26
1417	1901417	Võ Đăng Quang	Kiệt	18/08/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 26
1418	1901418	Phan Lê Thanh	Lam	20/03/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 26
1419	1901419	Đặng Phúc	Lân	24/06/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 26
1420	1901420	Lê Anh Hoàng	Lân	24/9/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 26
1421	1901421	Đoàn Thái Thùy	Linh	21/05/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 26
1422	1901422	Huỳnh Lê Phương	Linh	15/01/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 26
1423	1901423	Lê Ngọc Phương	Linh	19/05/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 26
1424	1901424	Lưu Công Thùy	Linh	27/8/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 26
1425	1901425	Nguyễn Thị Khánh	Linh	26/04/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 26
1426	1901426	Nguyễn Thị Thùy	Linh	13/9/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 27
1427	1901427	Trần Ngọc Mai	Linh	12/10/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 27
1428	1901428	Trần Phương	Linh	12/10/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 27
1429	1901429	Võ Thùy	Linh	17/04/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 27
1430	1901430	Dương Phú Hồng	Lĩnh	06/11/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 27
1431	1901431	Nguyễn Kế	Lộc	08/07/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 27
1432	1901432	Nguyễn Thanh	Long	25/03/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 27
1433	1901433	Lê Huỳnh Thảo	Ly	14/01/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 27
1434	1901434	Nguyễn Kha	Ly	02/08/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 27
1435	1901435	Nguyễn Ngọc Thảo	Ly	17/02/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 27
1436	1901436	Phan Thị Thảo	Ly	02/08/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 27
1437	1901437	Lê Hoàng	Mai	16/8/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 27
1438	1901438	Đỗ Nguyễn Quang Minh	Minh	16/05/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 27
1439	1901439	Lê Huỳnh Nhật	Minh	01/01/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 27
1440	1901440	Phạm Thanh	Minh	28/4/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 27
1441	1901441	Sái Công	Minh	27/4/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 27
1442	1901442	Văn Thị Thanh	Minh	06/07/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 27
1443	1901443	Đặng Nguyễn Trà	My	04/01/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 27
1444	1901444	Lê Ngọc Diễm	My	05/05/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 27
1445	1901445	Nguyễn Thị Hải	My	17/10/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 27
1446	1901446	Tào Diệu	My	27/4/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 27

1447	1901447	Tôn Nữ Thảo	My	14/01/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 27
1448	1901448	Trần Thị Trà	My	25/12/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 27
1449	1901449	Võ Hoàng	My	23/11/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 27
1450	1901450	Châu Hải	My	05/10/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 27
1451	1901451	Nguyễn Hoàng	Nam	15/12/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 28
1452	1901452	Trần Đức	Nam	13/9/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 28
1453	1901453	Ngô Khánh	Ngân	19/08/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 28
1454	1901454	Tổng Lê Bảo	Ngân	28/9/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 28
1455	1901455	Trần Thảo	Ngân	16/02/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 28
1456	1901456	Võ Kim	Ngân	10/05/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 28
1457	1901457	Lê Đại N	Nghĩa	26/6/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 28
1458	1901458	Đàm Thị Bảo	Ngọc	22/11/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 28
1459	1901459	Huỳnh Thị Yển	Ngọc	13/5/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 28
1460	1901460	Nguyễn Hồ Bảo	Ngọc	06/08/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 28
1461	1901461	Phạm Thị Khánh	Ngọc	18/7/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 28
1462	1901462	Phạm Văn Nguyên	Ngọc	26/11/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 28
1463	1901463	Trần Thị Minh	Ngọc	28/01/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 28
1464	1901464	Hồ Nguyễn Thảo	Nguyên	28/06/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 28
1465	1901465	Huỳnh Phước	Nguyên	02/02/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 28
1466	1901466	Lê Bảo	Nguyên	17/4/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 28
1467	1901467	Lê Thảo	Nguyên	25/4/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 28
1468	1901468	Nguyễn Bá Trung	Nguyên	16/3/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 28
1469	1901469	Nguyễn Bảo	Nguyên	09/01/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 28
1470	1901470	Nguyễn Hữu	Nguyên	21/04/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 28
1471	1901471	Nguyễn Lê Thảo	Nguyên	25/1/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 28
1472	1901472	Nguyễn Tấn	Nguyên	23/9/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 28
1473	1901473	Nguyễn Thị Kim	Nguyên	06/01/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 28
1474	1901474	Nguyễn Trường Đăng	Nguyên	29/11/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 28
1475	1901475	Phạm Hiếu	Nguyên	04/03/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 28
1476	1901476	Phạm Thị Thảo	Nguyên	19/12/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 29
1477	1901477	Phạm Viết	Nguyên	16/01/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 29
1478	1901478	Trương Thị Hạnh	Nguyên	09/07/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 29
1479	1901479	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	27/2/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 29
1480	1901480	Đặng Thị Thanh	Nhã	17/3/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 29
1481	1901481	Phan Thị Thanh	Nhàn	07/11/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 29
1482	1901482	Lê Tổng Thiện	Nhân	03/06/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 29
1483	1901483	Nguyễn Thành	Nhân	16/11/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 29
1484	1901484	Phạm Huyền	Nhân	09/12/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 29
1485	1901485	Hồ Thị Uyển	Nhi	28/5/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 29
1486	1901486	Lâm Hiền	Nhi	28/01/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 29
1487	1901487	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	11/12/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 29
1488	1901488	Nguyễn Thị Yển	Nhi	09/11/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 29
1489	1901489	Nguyễn Trần Yển	Nhi	03/05/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 29
1490	1901490	Phan Yển	Nhi	04/05/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 29
1491	1901491	Dương Phúc Tấn	Nhiên	10/02/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 29
1492	1901492	Huỳnh Thị Yển	Nhiên	27/10/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 29
1493	1901493	Trần Quỳnh	Như	11/04/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 29

1494	1901494	Võ Huỳnh Tâm	Như	17/10/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 29
1495	1901495	Nguyễn Như Ngọc	Nhung	26/04/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 29
1496	1901496	Nguyễn Thị Thanh	Nhung	28/6/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 29
1497	1901497	Phạm Minh	Phú	16/11/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 29
1498	1901498	Trần Nguyễn Phước	Phú	08/09/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 29
1499	1901499	Phan Thanh	Phúc	11/03/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 29
1500	1901500	Trần Kiêm	Phúc	08/02/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 29
1501	1901501	Lê Thị Hồng	Phước	28/6/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 30
1502	1901502	Huỳnh Thái Uyên	Phương	12/02/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 30
1503	1901503	Nguyễn Lữ Bảo	Phương	04/01/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 30
1504	1901504	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	05/04/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 30
1505	1901505	Phan Nguyễn Uyên	Phương	10/05/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 30
1506	1901506	Phan Văn	Phương	01/09/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 30
1507	1901507	Trần Minh	Phương	01/03/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 30
1508	1901508	Trần Nam	Phương	03/05/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 30
1509	1901509	Nguyễn Thị Phương	Phương Nguyễn	24/8/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 30
1510	1901510	Nguyễn Hồ Nho	Quan	01/09/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 30
1511	1901511	Đỗ Nguyễn Nam	Quân	24/06/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 30
1512	1901512	Nguyễn Minh	Quân	26/4/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 30
1513	1901513	Ngô Đăng	Quang	01/03/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 30
1514	1901514	Lê Anh	Quốc	10/04/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 30
1515	1901515	Đặng Thị Tố	Quyên	03/04/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 30
1516	1901516	Hồ Thị Thu	Quyên	28/06/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 30
1517	1901517	Lê Thục	Quyên	17/7/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 30
1518	1901518	Phạm Ngọc	Quyên	18/7/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 30
1519	1901519	Võ Hồng	Quyên	19/4/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 30
1520	1901520	Đoàn Ngọc	Quỳnh	28/04/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 30
1521	1901521	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	16/06/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 30
1522	1901522	Nguyễn Trần Như	Quỳnh	07/10/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 30
1523	1901523	Phạm Thị Diệu	Quỳnh	04/01/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 30
1524	1901524	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	17/11/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 30
1525	1901525	Trương Thái	Sâm	19/10/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 30
1526	1901526	Đặng Đình	Sang	18/03/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 31
1527	1901527	Bùi Hoàng	Son	03/04/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 31
1528	1901528	Lê Thị Tuyết	Sương	05/04/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 31
1529	1901529	Nguyễn Đình	Tài	27/3/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 31
1530	1901530	Phạm Văn Tấn	Tài	14/04/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 31
1531	1901531	Quảng Anh	Tài	18/9/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 31
1532	1901532	Trần Phúc	Tài	28/10/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 31
1533	1901533	Trương Anh	Tài	27/02/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 31
1534	1901534	Đàm Trí	Tâm	04/12/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 31
1535	1901535	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	24/4/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 31
1536	1901536	Nguyễn Tiến	Tâm	10/03/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 31
1537	1901537	Nguyễn Hữu Nhật	Tân	16/8/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 31
1538	1901538	Lê Phan	Thạch	15/9/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 31
1539	1901539	Đàm Duy	Thái	04/04/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 31
1540	1901540	Đoàn Thế	Thắng	09/08/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 31

1541	1901541	Nguyễn Đình Quốc	Thắng	28/07/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 31
1542	1901542	Nguyễn Duy	Thanh	21/9/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 31
1543	1901543	Ông Lê Văn	Thành	24/08/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 31
1544	1901544	Trần Quốc	Thành	28/3/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 31
1545	1901545	Đào Thị Thanh	Thảo	09/07/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 31
1546	1901546	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	17/7/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 31
1547	1901547	Trần Thanh	Thảo	21/12/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 31
1548	1901548	Võ Thị Thanh	Thảo	23/01/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 31
1549	1901549	Nguyễn Hà Minh	Thị	24/3/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 2, 10g00 - 11g30	Phòng 31
1550	1901550	Nguyễn Thị Minh	Thị	09/12/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 1
1551	1901551	Lưu Quốc	Thiện	16/11/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 1
1552	1901552	Huỳnh Đình Phước	Thịnh	07/09/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 1
1553	1901553	Đỗ Anh	Thư	05/03/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 1
1554	1901554	Nguyễn Anh	Thư	10/05/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 1
1555	1901555	Nguyễn Anh	Thư	30/12/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 1
1556	1901556	Nguyễn Bùi Minh	Thư	17/10/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 1
1557	1901557	Phạm Thị Vân	Thư	01/09/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 1
1558	1901558	Phùng Thị Anh	Thư	01/09/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 1
1559	1901559	Trần Ngọc Anh	Thư	12/11/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 1
1560	1901560	Đàm Thị Hoài	Thương	05/08/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 1
1561	1901561	Lê Đoàn Ngọc	Thúy	07/12/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 1
1562	1901562	Nguyễn Thị Kim	Thúy	09/03/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 1
1563	1901563	Lê Minh	Thy	20/3/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 1
1564	1901564	Trần Vũ Anh	Thy	07/04/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 1
1565	1901565	Nguyễn Hoài Cát	Tiên	19/09/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 1
1566	1901566	Phan Hoài Khánh	Tiên	02/10/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 1
1567	1901567	Hà Đức Minh	Toàn	05/10/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 1
1568	1901568	Doãn Thị Minh	Trâm	20/10/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 1
1569	1901569	Nguyễn Thị Ánh	Trâm	22/3/2004	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 1
1570	1901570	Dương Trương Hiền	Trân	28/12/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 1
1571	1901571	Nguyễn Lê Bảo	Trân	08/06/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 1
1572	1901572	Nguyễn Trần Bảo Trân	Trân	14/07/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 1
1573	1901573	Đặng Ngọc Hồng	Trang	17/12/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 1
1574	1901574	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/5/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 1
1575	1901575	Nguyễn Thị Thùy	Trang	14/4/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 2
1576	1901576	Nguyễn Thị Thùy	Trang	06/09/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 2
1577	1901577	Phạm Thùy	Trang	07/11/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 2
1578	1901578	Phan Thị Thanh	Trang	30/07/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 2
1579	1901579	Tổng Thị Quỳnh	Trang	03/04/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 2
1580	1901580	Trần Nguyễn Quỳnh	Trang	10/06/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 2
1581	1901581	Võ Trần Quỳnh	Trang	12/12/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 2
1582	1901582	Trần Công	Trí	09/03/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 2
1583	1901583	Đoàn Ngọc	Triết	19/7/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 2
1584	1901584	Đoàn Ngọc	Triết	27/07/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 2
1585	1901585	Huỳnh Andre Minh	Triết	12/03/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 2
1586	1901586	Nguyễn Hoài Phương	Trinh	09/10/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 2
1587	1901587	Lại Nguyễn Chí	Trung	21/05/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 2

1588	1901588	Phan Thành	Trung	08/03/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 2
1589	1901589	Trần Nam	Trung	18/5/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 2
1590	1901590	Trần Văn	Trung	10/12/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 2
1591	1901591	Đinh Lâm	Trường	04/11/04	Khối 5	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 2
1592	1901592	Trần Phúc	Tuấn	06/10/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 2
1593	1901593	Nguyễn Phước	Tùng	14/11/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 2
1594	1901594	Đàm Phạm Phương	Uyên	02/01/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 2
1595	1901595	Lê Cẩm	Uyên	01/02/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 2
1596	1901596	Phan Thị Mai	Uyên	20/8/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 2
1597	1901597	Trần Ngọc Phương	Uyên	07/09/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 2
1598	1901598	Trần Nguyễn Thục	Uyên	13/07/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 2
1599	1901599	Lê Hồ Bảo	Vân	01/07/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 2
1600	1901600	Trần Thị Thanh	Vân	01/01/06	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 3
1601	1901601	Nguyễn Lê Gia	Vĩ	07/11/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 3
1602	1901602	Đinh Hoàng	Việt	17/6/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 3
1603	1901603	Kiều Nguyễn	Vũ	07/05/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 3
1604	1901604	Nguyễn Minh	Vũ	17/01/2006	Khối 3	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 3
1605	1901605	Phan Trần Bảo	Vy	21/05/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 3
1606	1901606	Võ Thị Như	Ý	26/01/2005	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 3
1607	1901607	Phạm Thảo	Yến	10/09/05	Khối 4	Bế Văn Đàn	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 3
1608	1901608	Hồ Bảo	Hân	03/10/06	Khối 3	Dũng sĩ Thanh Khê	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 3
1609	1901609	Đổng Thị Thùy	Hương	09/01/06	khối 3	Dũng sĩ Thanh Khê	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 3
1610	1901610	Phan Ngọc	Lâm	13/04/06	Khối 3	Dũng sĩ Thanh Khê	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 3
1611	1901611	Trần Kiều Xuân	Nguyệt	02/02/06	Khối 3	Dũng sĩ Thanh Khê	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 3
1612	1901612	Nguyễn Hữu	Ailyn		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 3
1613	1901613	Nguyễn Lê Văn	Anh		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 3
1614	1901614	Nguyễn Trần Ngọc	Anh		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 3
1615	1901615	Nguyễn Võ Quỳnh	Anh		Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 3
1616	1901616	Trần Ngọc Lan	Anh		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 3
1617	1901617	Trương Hoàng	Anh	17/06/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 3
1618	1901618	Văn Thị Minh	Anh		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 3
1619	1901619	Dương Ngọc	Ánh		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 3
1620	1901620	Nguyễn Đình Gia	Bảo		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 3
1621	1901621	Nguyễn Đình Gia	Bảo		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 3
1622	1901622	Nguyễn Trần Duy	Bảo		Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 3
1623	1901623	Phan Thanh	Bảo	22/07/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 3
1624	1901624	Vũ Minh	Bảo		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 3
1625	1901625	Nguyễn Thị Kim	Chi	07/09/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 4
1626	1901626	Nguyễn Phước Thành	Đạt		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 4
1627	1901627	Nguyễn Quang	Đạt		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 4
1628	1901628	Nguyễn Ngọc Hiền	Dịu	04/08/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 4
1629	1901629	Dương Hương	Giang		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 4
1630	1901630	Văn Hồ Phương	Hà	16/09/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 4
1631	1901631	Ngô Nhất	Hân		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 4
1632	1901632	Ngô Trần Gia	Hân		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 4
1633	1901633	Nguyễn Gia	Hân		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 4
1634	1901634	Nguyễn Lê Gia	Hân		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 4

1635	1901635	Trần Bảo	Hân		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 4
1636	1901636	Trương Bảo	Hân		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 4
1637	1901637	Nguyễn Lê Minh	Hằng		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 4
1638	1901638	Lê Thị Diệu	Hiền		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 4
1639	1901639	Nguyễn Hoàng	Hiền		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 4
1640	1901640	Trần Thuý	Hiền	25/11/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 4
1641	1901641	Trần Nguyễn Đức	Hoà		Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 4
1642	1901642	Nguyễn Thị Minh	Hoàng	17/04/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 4
1643	1901643	Nguyễn Vũ	Hoàng		Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 4
1644	1901644	Phạm Công	Hoàng	04/12/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 4
1645	1901645	Trần Phước Bảo	Hoàng		Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 4
1646	1901646	Ngô Nhật	Hồng		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 4
1647	1901647	Mai Phạm Việt	Hùng	07/05/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 4
1648	1901648	Lê Phạm Thanh	Hưng		Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 4
1649	1901649	Dương Thanh	Hương	28/10/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 4
1650	1901650	Trương Thị Minh	Hương	26/10/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 5
1651	1901651	Đặng Phạm Ngọc Gia	Huy		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 5
1652	1901652	Nguyễn Minh	Huy	25/01/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 5
1653	1901653	Nguyễn Gia	Huyền		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 5
1654	1901654	Phạm Minh Phú	Khang		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 5
1655	1901655	Nguyễn Vy	Khanh		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 5
1656	1901656	Ngô Ngọc	Khánh		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 5
1657	1901657	Nguyễn Đình Quốc	Khánh	02/09/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 5
1658	1901658	Dương Ngọc	Khoa		Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 5
1659	1901659	Nguyễn Ngọc Anh	Khoa		Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 5
1660	1901660	Nguyễn Ngọc Gia	Linh	23/08/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 5
1661	1901661	Nguyễn Thị Hoài	Linh		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 5
1662	1901662	Phạm Trần Ngọc	Linh		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 5
1663	1901663	Đặng Hoàng	Long		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 5
1664	1901664	Lê Hoàng	Long		Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 5
1665	1901665	Nguyễn Hoàng	Long	09/01/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 5
1666	1901666	Phan Hoàng	Long		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 5
1667	1901667	Trần Lê Phi	Long		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 5
1668	1901668	Hồ Đàm Thanh	Mai	24/07/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 5
1669	1901669	Nguyễn Lê Tam	Mẫn		Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 5
1670	1901670	Phan Thanh	Mạnh	08/10/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 5
1671	1901671	Đặng Ngọc Mi	Mi		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 5
1672	1901672	Hồ Trần Nhật	Minh		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 5
1673	1901673	Lê	Minh		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 5
1674	1901674	Lê Nguyễn Hoài	Minh		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 6
1675	1901675	Lê Nguyễn Nhật	Minh		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 6
1676	1901676	Nguyễn Quang	Minh		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 6
1677	1901677	Nguyễn Thị Thanh	Minh		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 6
1678	1901678	Trần Hoàng	Minh		Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 6
1679	1901679	Trương Nguyễn Tuệ	Minh		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 6
1680	1901680	Chế Thị Hoàng	Ngân		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 6
1681	1901681	Dương Bảo	Ngân		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 6

1682	1901682	Nguyễn Ngọc Thu	Ngân	02/05/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 6
1683	1901683	Trần Nguyễn Kim	Ngân		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 6
1684	1901684	Dương Bảo	Ngọc		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 6
1685	1901685	Nguyễn Thị Hoài	Ngọc		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 6
1686	1901686	Hà Nguyễn Thảo	Nguyên		Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 6
1687	1901687	Nguyễn Hoàng Minh	Nguyên		Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 6
1688	1901688	Trần Thảo	Nguyên	02/01/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 6
1689	1901689	Võ Thị Ánh	Nguyệt		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 6
1690	1901690	Nguyễn Thiện	Nhân		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 6
1691	1901691	Hồ Uyển	Nhi	26/10/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 6
1692	1901692	Lê Thục	Nhi		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 6
1693	1901693	Võ Thị Quỳnh	Nhi		Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 6
1694	1901694	Phan Công	Phước	25/12/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 6
1695	1901695	Nguyễn Lan	Phương	20/08/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 6
1696	1901696	Nguyễn Thuý Nam	Phương		Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 6
1697	1901697	Trần Ánh	Phương	29/09/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 7
1698	1901698	Lê Phạm Hùng	Quân		Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 7
1699	1901699	Trần Đình	Quang	10/06/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 7
1700	1901700	Trần Hải Thanh	Quyên		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 7
1701	1901701	Trần Đăng	Son	05/08/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 7
1702	1901702	Nguyễn Tấn Anh	Tài		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 7
1703	1901703	Huỳnh Anh	Tạo		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 7
1704	1901704	Hồ Minh	Thắng		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 7
1705	1901705	Phạm Phú Minh	Thanh		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 7
1706	1901706	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Thảo	19/03/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 7
1707	1901707	Phạm Thị Minh	Thảo		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 7
1708	1901708	Trần Thị Thanh	Thảo		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 7
1709	1901709	Hoàng Thị Mai	Thi		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 7
1710	1901710	Nguyễn Thị Hoài	Thi		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 7
1711	1901711	Phan Phước	Thiện		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 7
1712	1901712	Đặng Anh	Thư		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 7
1713	1901713	Lê Thị Anh	Thư	13/09/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 7
1714	1901714	Nguyễn Thu	Thúy	17/08/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 7
1715	1901715	Lê Thị Anh	Thy		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 7
1716	1901716	Nguyễn Bích	Thy	14/02/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 7
1717	1901717	Trần Hồ Hoàng	Thy	01/01/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 7
1718	1901718	Đỗ Nguyên Cẩm	Tiên		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 7
1719	1901719	Tạ Trung	Tín	25/10/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 7
1720	1901720	Bùi Minh	Toàn	22/04/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 8
1721	1901721	Huỳnh Minh	Toàn		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 8
1722	1901722	Lê Đặng Thuý	Trâm	06/09/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 8
1723	1901723	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 8
1724	1901724	Lê Tự Quỳnh	Trang	05/10/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 8
1725	1901725	Nguyễn Hồ Thuý	Trang		Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 8
1726	1901726	Nguyễn Hoàng Doan	Trang		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 8
1727	1901727	Nguyễn Hoàng Phương	Trang		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 8
1728	1901728	Ngô Lê Minh	Trí		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 8

1729	1901729	Trần Nhật Minh	Trí		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 8
1730	1901730	Đặng Võ Minh	Triết		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 8
1731	1901731	Nguyễn Đức Minh	Triết		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 8
1732	1901732	Lê Nguyễn Kiều	Trinh		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 8
1733	1901733	Lê Nguyễn Ngọc	Trinh	21/04/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 8
1734	1901734	Nguyễn Hoàng Phương	Trinh		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 8
1735	1901735	Nguyễn Huỳnh Như	Uyên		Khối 3	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 8
1736	1901736	Nguyễn Phương	Uyên		Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 8
1737	1901737	Nguyễn Ngọc Thảo	Vân		Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 8
1738	1901738	Nguyễn Ánh	Văng	01/03/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 8
1739	1901739	Nguyễn Tâm	Vũ	23/10/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 8
1740	1901740	Trương Thúy	Vy	07/06/2004	Khối 5	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 8
1741	1901741	Lê Thanh Ái	Xuân		Khối 4	Hoa Lư	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 8
1742	1901742	Nguyễn Lê Hoàng	My		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 8
1743	1901743	Bảo Quý	Thịnh		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 9
1744	1901744	Bùi Anh	Tú		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 9
1745	1901745	Bùi Bảo Khánh	Nguyên		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 9
1746	1901746	Bùi Minh	Quân		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 9
1747	1901747	Bùi Ngọc Minh	Tuệ		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 9
1748	1901748	Bùi Quốc	Tuấn B		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 9
1749	1901749	Bùi Thanh	Nhân		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 9
1750	1901750	Cao Phương	Linh		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 9
1751	1901751	Cù Thị Anh	Thư		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 9
1752	1901752	Đàm Quang	Phước		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 9
1753	1901755	Đặng	Danh		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 9
1754	1901753	Đặng Châu	Anh		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 9
1755	1901754	Đặng Châu	Sa		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 9
1756	1901756	Đặng Nguyễn Như	Phương		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 9
1757	1901757	Đặng Quốc N	Nam		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 9
1758	1901758	Đặng Tuấn	Anh		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 9
1759	1901759	Đỗ Hoàng Bảo	Trâm		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 9
1760	1901760	Đỗ Quốc	Đạt		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 9
1761	1901761	Đỗ Trọng	Khôi		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 9
1762	1901762	Dương Nguyễn Phú	Quý		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 9
1763	1901763	Hồ Hoàng	Long		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 9
1764	1901764	Hồ Lê Phương	Bảo		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 9
1765	1901765	Hồ Thanh	Phú		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 9
1766	1901766	Hoàng Minh	Đức		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 10
1767	1901767	Hoàng Trần Khánh	Duy		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 10
1768	1901768	Huỳnh Đình	Thái		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 10
1769	1901769	Huỳnh Nguyễn Yến	Nhi		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 10
1770	1901770	Huỳnh Nhật	Huy		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 10
1771	1901771	Huỳnh Phúc	Hải		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 10
1772	1901772	Huỳnh Thị Cẩm	Nhi		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 10
1773	1901773	Lê Vĩnh	Phúc		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 10
1774	1901774	Lê Cao	Trí		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 10
1775	1901775	Lê Đồ Khánh	Linh		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 10

1776	1901776	Lê Đỗ Thiên	Quân		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 10
1777	1901777	Lê Đức Duy	Kiệt		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 10
1778	1901778	Lê Huy	Hoàng		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 10
1779	1901779	Lê Minh	Uyên		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 10
1780	1901780	Lê Nguyễn Hạnh	Đoan		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 10
1781	1901781	Lê Nguyễn Hoài	An		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 10
1782	1901782	Lê Nguyễn Minh	Thiện		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 10
1783	1901783	Lê Nguyễn Thùy	Linh		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 10
1784	1901784	Lê Phú	Quốc		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 10
1785	1901785	Lê Quốc	Thái		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 10
1786	1901786	Lê Sỹ	Tấn		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 10
1787	1901787	Lê Thành	Nghĩa		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 10
1788	1901788	Lê Thị Khánh	Báo		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 10
1789	1901789	Lê Tự	Khôi		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 11
1790	1901790	Lê Viết Vĩnh	Phú		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 11
1791	1901791	Lương Việt	Anh		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 11
1792	1901792	Mai Long	Vỹ		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 11
1793	1901793	Mai Ngọc Phương	Tâm		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 11
1794	1901794	Mai Trần Thùy	Tiên		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 11
1795	1901795	Ngô Đặng	Thành		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 11
1796	1901796	Nguyễn Ái	Thành		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 11
1797	1901798	Nguyễn Bá	Yên		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 11
1798	1901797	Nguyễn Bá Trung	Hiếu		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 11
1799	1901799	Nguyễn Cao Minh	Phúc		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 11
1800	1901800	Nguyễn Chi	Minh		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 11
1801	1901801	Nguyễn Đặng Tường	Vy		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 11
1802	1901802	Nguyễn Đình	Huy		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 11
1803	1901803	Nguyễn Đỗ Phương	Trình		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 11
1804	1901804	Nguyễn Đoàn Khánh	Minh		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 11
1805	1901805	Nguyễn Dương	Thắng		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 11
1806	1901806	Nguyễn Gia	Báo		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 11
1807	1901807	Nguyễn Gia	Khanh		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 11
1808	1901808	Nguyễn Hà Mạnh	Huy		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 11
1809	1901810	Nguyễn Hoàng Ly	Na		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 11
1810	1901811	Nguyễn Hoàng Phương	Nguyên		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 11
1811	1901813	Nguyễn Hữu	Phát		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 12
1812	1901812	Nguyễn Hữu Mẫn	Cương		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 12
1813	1901815	Nguyễn Huy	Hoàng		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 12
1814	1901816	Nguyễn Huỳnh Hữu	Tài		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 12
1815	1901817	Nguyễn Lương	Đạt		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 12
1816	1901818	Nguyễn Ngọc	Huy		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 12
1817	1901819	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 12
1818	1901820	Nguyễn Ngọc Mai	Thy		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 12
1819	1901821	Nguyễn Phạm	Phương		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 12
1820	1901822	Nguyễn Phan Minh	Khuê		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 12
1821	1901823	Nguyễn Phi	Trường		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 12
1822	1901824	Nguyễn Phương Hiểu	Nghi		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 12

1823	1901825	Nguyễn Phương Khánh	Hà		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 12
1824	1901826	Nguyễn Quốc	Khánh		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 12
1825	1901827	Nguyễn Quỳnh	Trang		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 12
1826	1901828	Nguyễn Thành	Nhân		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 12
1827	1901829	Nguyễn Thị Anh	Duyên		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 12
1828	1901831	Nguyễn Thị Bảo	Phúc		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 12
1829	1901833	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 12
1830	1901834	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 12
1831	1901836	Nguyễn Thị Minh	Trâm		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 13
1832	1901835	Nguyễn Thị Minh	Ánh		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 13
1833	1901837	Nguyễn Thị Ngọc	Minh		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 13
1834	1901838	Nguyễn Thị Quỳnh	Châu		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 13
1835	1901840	Nguyễn Thị Thanh	Như		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 13
1836	1901839	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 13
1837	1901842	Nguyễn Thị Thiên	Phú		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 13
1838	1901843	Nguyễn Trần Bảo	Trân		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 13
1839	1901844	Nguyễn Trần Phương	Uyên		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 13
1840	1901845	Nguyễn Trần Thảo	Nguyên		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 13
1841	1901846	Nguyễn Trần Trung	Hiếu		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 13
1842	1901847	Nguyễn Trịnh Hoàng	Dung		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 13
1843	1901848	Nguyễn Tuyết	Nhung		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 13
1844	1901849	Nguyễn Văn	Thắng		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 13
1845	1901850	Nguyễn Vũ Hoài	Thương		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 13
1846	1901852	Phạm Bảo	Ngọc		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 13
1847	1901853	Phạm Huỳnh	Hải		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 13
1848	1901854	Phạm Lê Minh	Phương		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 13
1849	1901855	Phạm Ngọc Quỳnh	Nhi		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 13
1850	1901856	Phạm Ngọc Quỳnh	Như		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 13
1851	1901857	Phạm Nguyễn Hoàng	Ngọc		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 13
1852	1901858	Phạm Nguyễn Việt	Vinh		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 14
1853	1901859	Phạm Thị Ánh	Nhi		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 14
1854	1901860	Phạm Triệu Bảo	Kha		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 14
1855	1901861	Phan Thị Quỳnh	Như		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 14
1856	1901862	Phan Văn	Thành		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 14
1857	1901863	Phùng Quỳnh	Nhàn		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 14
1858	1901864	Tăng Ngọc	Hậu		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 14
1859	1901865	Thái Bảo	Linh		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 14
1860	1901866	Trà Thị Diễm	Phúc		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 14
1861	1901867	Trần A	Anh		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 14
1862	1901868	Trần Bách	Tùng		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 14
1863	1901869	Trần Đình	Khải		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 14
1864	1901870	Trần Đình Phúc	Thịnh		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 14
1865	1901871	Trần Doãn Bảo	Trâm		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 14
1866	1901872	Trần Duy	Niên		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 14
1867	1901875	Trần Hoàng	Phước		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 14
1868	1901873	Trần Hoàng Khánh	Minh		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 14
1869	1901874	Trần Hoàng Phúc	Huy		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 14

1870	1901876	Trần Minh Cường		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 14
1871	1901877	Trần Ngọc Khánh Thi		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 14
1872	1901878	Trần Nguyên Thảo		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 14
1873	1901879	Trần Quốc Quỳnh Tiên		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 14
1874	1901880	Trần Thanh Hùng		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 14
1875	1901881	Trần Thế Trịnh		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 15
1876	1901882	Trần Thị Cẩm Tú		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 15
1877	1901883	Trần Thục Minh Châu		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 15
1878	1901884	Trần Trần Châu		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 15
1879	1901885	Trịnh Minh Bảo Trân		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 15
1880	1901886	Trịnh Nguyễn Hồng Minh		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 15
1881	1901887	Trình Thị Thảo Nguyên		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 15
1882	1901888	Trình Trung Kiên		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 15
1883	1901889	Trương Châu Khương		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 15
1884	1901891	Trương Lê Xuân Hiếu		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 15
1885	1901892	Trương Minh Trang		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 15
1886	1901893	Trương Tấn Hưng		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 15
1887	1901894	Trương Tấn Thành		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 15
1888	1901895	Võ Lê Đình Huy		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 15
1889	1901896	Võ Nguyễn Bảo Hân		Khối 3	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 15
1890	1901897	Võ Thị Bảo Châu		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 15
1891	1901898	Võ Thị Mỹ Hằng		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 15
1892	1901899	Võ Văn Minh Khải		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 15
1893	1901900	Vũ Ngọc Thu Huyền		Khối 4	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 15
1894	1901902	Vũ Nguyễn Đan Thanh		Khối 5	Huỳnh Ngọc Huệ	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 15
1895	1901903	Đoàn Thị Thúy An	14/10/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 15
1896	1901904	Nguyễn Trần Phương An	28/08/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 16
1897	1901905	Phạm Việt An	22/08/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 16
1898	1901906	Đinh Thị Minh Anh	26/10/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 16
1899	1901907	Hoàng Phương Anh	10/07/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 16
1900	1901908	Lã Minh Anh	13/08/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 16
1901	1901909	Mai Thị Lan Anh	29/07/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 16
1902	1901910	Ngô Thị Hoàng Anh	19/03/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 16
1903	1901911	Nguyễn Nhật Anh	22/09/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 16
1904	1901912	Nguyễn Phúc Anh	13/06/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 16
1905	1901913	Nguyễn Võ Nguyệt Anh	08/10/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 16
1906	1901914	Trần Hoàng Lan Anh	30/05/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 16
1907	1901915	Trần Lan Anh	02/03/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 16
1908	1901916	Trần Minh Anh	20/04/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 16
1909	1901917	Võ Ngọc Quỳnh Anh	11/04/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 16
1910	1901918	Võ Thị Hiền Anh	24/09/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 16
1911	1901919	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	23/06/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 16
1912	1901920	Trần Ngọc Ánh	19/07/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 16
1913	1901921	Nguyễn Chí Bảo	05/09/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 16
1914	1901922	Nguyễn Vũ Trường Bình	19/07/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 16
1915	1901923	Phạm Nguyên Bình	18/09/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 16
1916	1901924	Đoãn Thị Bảo Châu	04/10/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 16

1917	1901925	Nguyễn Minh	Châu	12/06/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 16
1918	1901926	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Châu	21/06/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 16
1919	1901927	Trần Khánh	Châu	22/03/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 17
1920	1901928	Trần Linh	Chi	01/07/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 17
1921	1901929	Nguyễn Thành	Công	28/09/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 17
1922	1901930	Đào Huy	Cường	10/02/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 17
1923	1901931	Nguyễn Công	Đạt	17/02/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 17
1924	1901932	Trần Tiến	Đạt	08/10/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 17
1925	1901933	Võ Thị Ngọc	Diệp	11/05/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 17
1926	1901934	Giang	Đông	15/02/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 17
1927	1901935	Trần Vũ Mạnh	Đức	07/11/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 17
1928	1901936	Hoàng Minh	Đức	05/07/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 17
1929	1901937	Nguyễn Hạnh	Dung	01/01/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 17
1930	1901938	Nguyễn Thị Thu	Dung	13/03/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 17
1931	1901939	Hoàng Minh	Dũng	20/10/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 17
1932	1901940	Nguyễn Hoàng	Dũng	31/12/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 17
1933	1901941	Nguyễn Trung	Dũng	22/03/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 17
1934	1901942	Nguyễn Ảnh	Dương	11/03/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 17
1935	1901943	Nguyễn Thị Trùng	Dương	22/01/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 17
1936	1901944	Lê Thị Thanh	Duyên	09/06/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 17
1937	1901945	Lê Châu	Giang	18/05/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 17
1938	1901946	Mai Thảo Vân	Giang	19/06/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 17
1939	1901947	Nguyễn Hương	Giang	17/08/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 17
1940	1901948	Nguyễn Viết Châu	Giang	14/04/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 17
1941	1901949	Trần Hoàng	Giáp	10/01/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 17
1942	1901950	Đoàn Phương	Hà	22/08/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 18
1943	1901951	Lê Việt	Hà	14/09/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 18
1944	1901952	Lý Hoàng Khánh	Hà	01/11/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 18
1945	1901953	Ngô Nguyễn Ngọc	Hà	01/08/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 18
1946	1901954	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	19/10/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 18
1947	1901955	Hà Duy Minh	Hải	31/03/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 18
1948	1901956	Nguyễn Lê Khánh	Hằng	05/01/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 18
1949	1901957	Phan Lê Khánh	Hằng	15/08/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 18
1950	1901958	Dương Hiền Trung	Hiếu	30/05/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 18
1951	1901959	Lê Trung	Hiếu	10/02/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 18
1952	1901960	Nguyễn Bảo	Hiếu	06/12/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 18
1953	1901961	Trần Huy	Hoàng	01/04/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 18
1954	1901962	Nguyễn Thị Hải	Hồng	02/06/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 18
1955	1901963	Phạm Thu	Huệ	14/01/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 18
1956	1901964	Lại Phúc	Hưng	27/12/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 18
1957	1901965	Lữ Nguyễn Gia	Huy	17/06/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 18
1958	1901966	Lý Minh	Huy	02/09/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 18
1959	1901967	Mai Đức	Huy	31/05/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 18
1960	1901968	Nguyễn Nhật	Huy	06/12/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 18
1961	1901969	Nguyễn Đình	Huy	21/06/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 18
1962	1901970	Nguyễn Đình	Huy	13/05/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 18
1963	1901971	Nguyễn Hữu Nhật	Huy	12/09/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 18

1964	1901972	Nguyễn Thanh	Huy	20/08/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 18
1965	1901973	Phan Lê Anh	Huy	25/01/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 19
1966	1901974	Thái Nhất	Huy	28/04/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 19
1967	1901975	Lê Khánh	Huyền	14/01/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 19
1968	1901976	Lê Thụy Vân	Kha	05/04/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 19
1969	1901977	Ngô Nguyên	Khang	08/07/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 19
1970	1901978	Hoàng Lê	Khanh	20/05/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 19
1971	1901979	Đặng Xuân	Khánh	10/11/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 19
1972	1901980	Lê Ngọc Minh	Khánh	07/09/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 19
1973	1901981	Nguyễn Lê Kim	Khánh	23/08/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 19
1974	1901982	Nguyễn Trần Đăng	Khánh	19/11/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 19
1975	1901983	Nguyễn Văn	Khánh	14/05/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 19
1976	1901984	Phan Minh	Khánh	20/01/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 19
1977	1901985	Đàm Mạnh	Kiên	11/10/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 19
1978	1901986	Đoàn Ngọc Phương	Lan	07/01/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 19
1979	1901987	Đào Thị Thảo	Linh	25/02/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 19
1980	1901988	Hoàng Diệu	Linh	30/01/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 19
1981	1901989	Lê Trần Khánh	Linh	16/01/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 19
1982	1901990	Ngô Thùy	Linh	17/09/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 19
1983	1901991	Nguyễn Võ Khánh	Linh	25/07/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 19
1984	1901992	Nguyễn Phan Thành	Lợi	25/01/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 19
1985	1901993	Nguyễn Hoàng	Long	10/10/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 19
1986	1901994	Trần Bảo	Long	26/03/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 19
1987	1901995	Nguyễn Hiền	Lương	28/09/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 19
1988	1901996	Bui Hương	Ly	18/02/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 20
1989	1901997	Lê Văn	Ly	02/04/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 20
1990	1901998	Phạm Phương	Mai	20/10/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 20
1991	1901999	Trần Ngọc	Mai	25/04/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 20
1992	1902000	Nguyễn Văn	Mạnh	08/02/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 20
1993	1902001	Đỗ Việt Tuấn	Minh	24/07/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 20
1994	1902002	Hồ Nhật	Minh	08/02/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 20
1995	1902003	Nguyễn Cao	Minh	05/09/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 20
1996	1902004	Nguyễn Lê Phúc	Minh	13/08/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 20
1997	1902005	Tạ Đức	Minh	19/04/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 20
1998	1902006	Trịnh La	My	03/02/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 20
1999	1902007	Nguyễn Hà	Nam	06/02/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 20
2000	1902008	Vương Hoàng	Nam	10/12/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 20
2001	1902009	Lê Thị Hằng	Nga	17/12/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 20
2002	1902010	Nguyễn Thị Hằng	Nga	23/08/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 20
2003	1902011	Huỳnh Lê Châu	Ngân	06/08/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 20
2004	1902012	Huỳnh Lê Kim	Ngân	13/01/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 20
2005	1902013	Phạm Thị Nga	Ngân	08/05/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 20
2006	1902014	Đinh Trần Công	Nghĩa	06/04/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 20
2007	1902015	Hoàng Nguyên Bảo	Ngọc	30/10/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 20
2008	1902016	Nguyễn Bảo Hồng	Ngọc	08/10/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 20
2009	1902017	Trần Nguyễn Minh	Ngọc	07/11/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 20
2010	1902018	Trương Hoàng Khánh	Ngọc	07/06/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 20

2011	1902019	Trương Thị Ánh	Ngọc	26/03/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 21
2012	1902020	Nguyễn Khánh	Ngọc	30/08/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 21
2013	1902021	Trương Phạm Bảo	Ngọc	13/08/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 21
2014	1902022	Tô Chính	Nguyễn	02/11/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 21
2015	1902023	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	22/01/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 21
2016	1902024	Đặng Nguyễn Thanh	Nhi	11/03/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 21
2017	1902025	Nguyễn Đức Văn	Nhi	28/07/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 21
2018	1902026	Nguyễn Ngọc Xuân	Nhi	09/06/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 21
2019	1902027	Nguyễn Thái Phương	Nhi	01/01/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 21
2020	1902028	Nguyễn Thảo	Nhi	22/06/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 21
2021	1902029	Nguyễn Trần Thảo	Nhi	11/01/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 21
2022	1902030	Ninh YẾN	Nhi	19/11/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 21
2023	1902031	Phạm Bảo Châu	Nhi	07/12/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 21
2024	1902032	Trần Thị Yến	Nhi	28/10/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 21
2025	1902033	Vũ Hà	Ninh	20/10/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 21
2026	1902034	Trần Văn	Phát	09/05/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 21
2027	1902035	Nguyễn Hồng	Phúc	24/12/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 21
2028	1902036	Nguyễn Lê	Phước	17/03/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 21
2029	1902037	Nguyễn Đào Mai	Phương	09/02/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 21
2030	1902038	Nguyễn Uyên	Phương	26/04/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 21
2031	1902039	Phạm Đình Nhất	Phương	14/08/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 21
2032	1902040	Đoàn Thanh	Quân	10/02/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 21
2033	1902041	Ngô Hữu Chí	Quang	01/07/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 21
2034	1902042	Lê Anh	Quốc	29/09/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 22
2035	1902043	Đỗ	Quyên	14/10/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 22
2036	1902044	Đặng Nguyễn Khánh	Quỳnh	06/05/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 22
2037	1902045	Nguyễn Lê Trúc	Quỳnh	18/01/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 22
2038	1902046	Trần Lê	Son	27/04/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 22
2039	1902047	Triệu Thị Hiền	Tâm	28/09/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 22
2040	1902048	Trịnh Thị Thanh	Tâm	03/06/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 22
2041	1902049	Bùi Việt	Thái	19/05/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 22
2042	1902050	Đinh Quốc	Thắng	08/09/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 22
2043	1902051	Lê Văn	Thành	27/03/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 22
2044	1902052	Lê Phương	Thảo	01/01/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 22
2045	1902053	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	11/05/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 22
2046	1902054	Nguyễn Lê Linh	Thảo	01/04/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 22
2047	1902055	Trần Đoàn Phương	Thảo	21/02/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 22
2048	1902056	Trần Thanh	Thảo	23/02/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 22
2049	1902057	Trịnh Mai Uyên	Thảo	15/09/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 22
2050	1902058	Nguyễn Đình	Thi	31/03/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 22
2051	1902059	Huỳnh Đình Quang	Thiều	10/05/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 22
2052	1902060	Hà Khắc	Thịnh	14/01/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 22
2053	1902061	Lê Hoàng Anh	Thư	21/08/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 22
2054	1902062	Nguyễn Đoàn Khánh	Thư	15/11/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 22
2055	1902063	Nguyễn Tổng Anh	Thư	13/09/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 22
2056	1902064	Nguyễn Thị Hoài	Thương	09/03/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 22
2057	1902065	Trần Thị Thủy	Tiên	08/12/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 23

2058	1902066	Nguyễn Trọng	Tiến	01/08/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 23
2059	1902067	Mai Khánh	Toàn	26/12/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 23
2060	1902068	Nguyễn Đình	Toàn	09/09/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 23
2061	1902069	Khương Bảo	Trâm	31/07/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 23
2062	1902070	Trần Lê Huyền	Trân	08/08/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 23
2063	1902071	Trần Phương Bảo	Trân	27/08/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 23
2064	1902072	Hà Lê	Trang	03/08/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 23
2065	1902073	Nguyễn Hoàng Ngân	Trang	12/07/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 23
2066	1902074	Nguyễn Thị Huyền	Trang	28/05/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 23
2067	1902075	Trần Thùy	Trang	22/06/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 23
2068	1902076	Nguyễn Minh	Trí	18/09/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 23
2069	1902077	Nguyễn Thanh	Trúc	14/03/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 23
2070	1902078	Lê Bá Thanh	Tú	06/08/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 23
2071	1902079	Mai Trung	Tuân	23/06/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 23
2072	1902080	Đinh Nguyễn Anh	Tuấn	21/06/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 23
2073	1902081	Nguyễn Trần Anh	Tuấn	23/10/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 23
2074	1902082	Trần Cảnh Anh	Tuấn	11/02/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 23
2075	1902083	Phạm Nguyễn Quang	Tùng	17/10/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 23
2076	1902084	Trần Xuân	Tùng	04/08/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 23
2077	1902085	Thái Nguyễn Khánh	Uyên	25/10/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 23
2078	1902086	Trần Trúc	Uyên	19/01/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 23
2079	1902087	Nguyễn Thị Quỳnh	Vân	04/10/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 23
2080	1902088	Trần Phước Hồng	Vân	31/07/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 24
2081	1902089	Trần Nguyễn Viên	Viên	12/11/05	Khối 4	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 24
2082	1902090	Nguyễn Văn	Vinh	08/02/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 24
2083	1902091	Trần Nguyên	Vũ	19/09/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 24
2084	1902092	Nguyễn Hữu	Vương	13/03/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 24
2085	1902093	Nguyễn Hồng Hà	Vy	12/10/04	Khối 5	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 24
2086	1902094	Lê Huyền	Vỹ	22/06/06	Khối 3	Nguyễn Bình Khiêm	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 24
2087	1902095	Bùi Hoàng Bảo	Trân	01/01/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 24
2088	1902096	Bùi Hoàng	Nguyên	1/23/2004	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 24
2089	1902097	Bùi Nguyễn Như	Hoài	03/07/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 24
2090	1902098	Bùi Quang Đ	Đạt	26/10/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 24
2091	1902099	Bùi Quý	ngân	11/18/2004	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 24
2092	1902100	Cao Nguyệt	Hân	23/06/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 24
2093	1902101	Chế Viết Bảo	Long	01/09/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 24
2094	1902102	Đàm Phúc Ngân	Thảo	12/17/2004	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 24
2095	1902103	Đặng Bảo	Châu	17/11/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 24
2096	1902104	Đặng Thông	Trí	04/02/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 24
2097	1902105	Đào Hữu Nhật	Hoàng	04/01/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 24
2098	1902106	Đào Minh	Thành	6/19/2004	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 24
2099	1902107	Địch Vũ Bảo	Long	8/26/2004	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 24
2100	1902108	Đỗ Bùi Tường	Vy	02/03/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 24
2101	1902109	Đỗ Huyền Vân	Trúc	8/21/2004	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 24
2102	1902110	Đỗ Lê Nghi	Dung	09/01/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 24
2103	1902111	Đỗ Lê Như	Tâm	11/07/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 25
2104	1902112	Đỗ Ngọc	Bích	10/09/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 25

2105	1902113	Đỗ Xuân	Tài	20/01/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 25
2106	1902114	Đoàn Bảo	Ngọc	26/10/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 25
2107	1902115	Đoàn Ngọc	Tin	03/10/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 25
2108	1902116	Đoàn Nguyễn Minh	Tuấn	15/04/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 25
2109	1902117	Đoàn Thị Thanh	Chi	11/09/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 25
2110	1902118	Đồng Thị Minh	Thùy	30/01/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 25
2111	1902119	Dương Bảo	Châu	26/08/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 25
2112	1902120	Dương Quang Minh	Hoàng	02/11/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 25
2113	1902121	Dương Văn Bảo	Long	08/02/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 25
2114	1902122	Hà Lan	Anh	01/01/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 25
2115	1902123	Hồ Quốc	Huy	10/04/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 25
2116	1902124	Hoàng Bảo	Phước	19/01/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 25
2117	1902125	Hoàng Đăng	Khoa	24/08/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 25
2118	1902126	Hoàng Ngọc	Thắng	30/03/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 25
2119	1902127	Hoàng Nguyễn Tiến	Đạt	30/03/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 25
2120	1902128	Hoàng Thanh	Nhã	29/07/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 25
2121	1902129	Hoàng Thị Ngọc	Thảo	10/03/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 25
2122	1902130	Hoàng Vương Tường	Vi	19/09/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 25
2123	1902131	Huỳnh Đỗ Thiên	Ân	28/07/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 25
2124	1902132	Huỳnh Hà Gia	Linh	04/11/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 25
2125	1902133	Huỳnh Nguyễn Khánh	Trân	26/01/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 25
2126	1902134	Huỳnh Uyên	Trâm	09/06/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 26
2127	1902135	Lâm Ngọc Thảo	Nhi	06/07/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 26
2128	1902136	Lê Anh	Quân	26/02/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 26
2129	1902137	Lê Bá Bảo	Ngọc	01/01/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 26
2130	1902138	Lê Hoàng	Hiếu	11/10/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 26
2131	1902139	Lê Kim	Ngân	21/04/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 26
2132	1902140	Lê Nam	Khánh	15/03/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 26
2133	1902141	Lê Nguyễn Gia	Linh	02/07/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 26
2134	1902142	Lê Nguyễn Quốc	Thái	3/22/2004	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 26
2135	1902143	Lê Nguyên	Thảo	11/03/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 26
2136	1902144	Lê Phạm Anh	Khoa	02/11/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 26
2137	1902145	Lê Phước	Duy	01/01/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 26
2138	1902146	Lê Tấn	Khải	06/06/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 26
2139	1902147	Lê Trần Thế	Đồng	19/01/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 26
2140	1902148	Lê Uyên Thảo	Linh	16/07/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 26
2141	1902149	Lương Hạnh	Giang	22/10/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 26
2142	1902150	Lương Nhật	Nam	2/13/2004	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 26
2143	1902151	Lưu Nguyễn Minh	Thư	16/08/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 26
2144	1902152	Lý Văn Anh K	Khải	11/07/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 26
2145	1902153	Ng Cao Thùy	Linh	3/19/2004	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 26
2146	1902154	Ngô Diệu	Trúc	05/06/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 26
2147	1902155	Ngô Gia	Hiếu	27/05/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 26
2148	1902156	Ngô Ngọc Bảo	Quang	13/02/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 26
2149	1902157	Ngô Thị Thanh	Tân	29/05/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 27
2150	1902158	Nguyễn Bá Khánh	Trình	30/03/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 27
2151	1902159	Nguyễn Bá	Quyền	10/28/2004	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 27

2152	1902160	Nguyễn Bảo	Khuê	02/10/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 27
2153	1902161	Nguyễn Đăng Phương	Uyên	06/11/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 27
2154	1902162	Nguyễn Duy	Khải	29/05/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 27
2155	1902163	Nguyễn Hoài	An	08/01/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 27
2156	1902164	Nguyễn Hoài	Trúc	01/08/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 27
2157	1902165	Nguyễn Hoàng Đào	Nguyên	16/01/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 27
2158	1902166	Nguyễn Hoàng Gia	Ân	24/06/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 27
2159	1902167	Nguyễn Hoàng Kiều	Trình	02/11/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 27
2160	1902168	Nguyễn Hoàng Tổ	Như	18/03/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 27
2161	1902169	Nguyễn Hữu Quốc	Hải	11/03/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 27
2162	1902170	Nguyễn Khải	Hoàng	26/06/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 27
2163	1902171	Nguyễn Khánh	Ngọc	26/09/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 27
2164	1902172	Nguyễn Lê Hồng	Diệu	27/06/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 27
2165	1902173	Nguyễn Minh	Khuê	03/04/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 27
2166	1902174	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	08/07/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 27
2167	1902175	Nguyễn Ngọc Châu	Sa	17/06/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 27
2168	1902176	Nguyễn Ngọc Diệu	Thảo	07/01/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 27
2169	1902177	Nguyễn Ngọc Khánh	Nguyên	01/05/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 27
2170	1902178	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	05/06/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 27
2171	1902179	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	20/02/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 27
2172	1902180	Nguyễn Ngọc Thảo	Linh	07/12/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 28
2173	1902181	Nguyễn Ngọc	Toàn	26/06/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 28
2174	1902182	Nguyễn Phan Thùy	Ngân	23/02/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 28
2175	1902183	Nguyễn Phúc	Huy	28/04/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 28
2176	1902184	Nguyễn Phúc Thùy	Nhiên	14/02/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 28
2177	1902185	Nguyễn Phước	Đạt	17/05/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 28
2178	1902186	Nguyễn Phước Hồng	Nhi	1/20/2004	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 28
2179	1902187	Nguyễn Quang	Khải	06/08/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 28
2180	1902188	Nguyễn Quang	Thắng	06/12/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 28
2181	1902189	Nguyễn Tâm	Đức	01/10/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 28
2182	1902190	Nguyễn Thanh	Hung	10/24/2004	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 28
2183	1902191	Nguyễn Thanh	Phong	7/16/2004	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 28
2184	1902192	Nguyễn Thanh	Tú	21/05/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 28
2185	1902193	Nguyễn Thanh Vy	Giang	25/04/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 28
2186	1902194	Nguyễn Thị Bích	Nhi	14/09/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 28
2187	1902195	Nguyễn Thị Bích	Vy	21/07/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 28
2188	1902196	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	08/01/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 28
2189	1902197	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	8/19/2004	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 28
2190	1902198	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	19/05/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 28
2191	1902199	Nguyễn Thùy Minh	Thảo	22/01/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 28
2192	1902200	Nguyễn Trần Khánh	Ngân	18/10/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 28
2193	1902201	Nguyễn Trần Thục	Đoan	02/08/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 28
2194	1902202	Nguyễn Trần Tú	Anh	17/01/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 28
2195	1902203	Nguyễn Triều	Hung	08/01/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 29
2196	1902204	Nguyễn Trường Bích	Phương	16/07/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 29
2197	1902205	Nguyễn Trương Thanh	Nhật	10/04/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 29
2198	1902206	Nguyễn Tuấn	Huy	19/06/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 29

2199	1902207	Nguyễn Tùng	Quân	03/05/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 29
2200	1902208	Nguyễn Văn	Đạt	17/03/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 29
2201	1902209	Nguyễn Văn	Lợi	12/04/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 29
2202	1902210	Nguyễn Viết Gia	Bảo	06/10/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 29
2203	1902211	Nguyễn Viết Minh	Hải	08/04/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 29
2204	1902212	Nguyễn Viết Nhật	Hoàng	21/04/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 29
2205	1902213	Nguyễn Việt	Trình	5/23/2004	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 29
2206	1902214	Nguyễn Xuân	Ân	15/10/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 29
2207	1902215	Nguyễn Xuân	Bách	03/03/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 29
2208	1902216	Ông Hà Thảo	My	12/03/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 29
2209	1902217	Phạm Bình Phương	Uyên	5/18/2004	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 29
2210	1902218	Phạm Đăng	Khoa	10/07/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 29
2211	1902219	Phạm Hồ Việt	Quang	22/09/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 29
2212	1902220	Phạm Minh	Anh	11/11/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 29
2213	1902221	Phạm Minh	Tuấn	10/02/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 29
2214	1902222	Phạm Ngọc	Lan	31/12/04	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 29
2215	1902223	Phạm Ngọc Quốc	Huy	13/08/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 29
2216	1902224	Phạm Nguyễn Thái	Trần	08/08/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 29
2217	1902225	Phạm Tâm Anh	Thy	14/09/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 29
2218	1902226	Phạm Thị Bảo N	Ngọc	16/12/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 30
2219	1902227	Phạm Thị Hồng	Hà	20/01/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 30
2220	1902228	Phạm Thị Thảo	Nguyễn	14/09/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 30
2221	1902229	Phan Đức	Trí	11/06/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 30
2222	1902230	Phan Lê Hoàng	Oanh	04/05/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 30
2223	1902231	Phan Ngọc Thảo	Uyên	21/07/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 30
2224	1902232	Phan Thái Khánh	Nhi	12/06/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 30
2225	1902233	Phí Hoàng Yên	Nhi	04/03/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 30
2226	1902234	Thái An Vĩnh	Phước	22/01/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 30
2227	1902235	Thái Nhất	Thành	21/12/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 30
2228	1902236	Trần Cát	Tiên	05/08/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 30
2229	1902237	Trần Đại	Việt	19/07/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 30
2230	1902238	Trần Đình Anh	Quốc	21/02/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 30
2231	1902239	Trần Duy	Khải	2/19/2004	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 30
2232	1902240	Trần Hoàng Khánh	Uyên	08/05/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 30
2233	1902241	Trần Hoàng	Phương	22/07/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 30
2234	1902242	Trần Hữu Nhân	Kiệt	29/03/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 30
2235	1902243	Trần Lê Nhã	Khanh	09/06/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 30
2236	1902244	Trần Minh	Hoàng	21/11/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 30
2237	1902245	Trần Minh Hồng	Phúc	28/06/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 30
2238	1902246	Trần Ngọc Thảo	Ly	06/04/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 30
2239	1902247	Trần Ngọc Vân	Khanh	19/03/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 30
2240	1902248	Trần Nguyễn Hạnh	Nguyên	21/07/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 30
2241	1902249	Trần Nguyễn Khánh	Bảo	01/03/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 31
2242	1902250	Trần Nguyễn Phước	Uy	02/05/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 31
2243	1902251	Trần Thị Quỳnh	Anh	10/08/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 31
2244	1902252	Trần Văn	Bảo	14/10/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 31
2245	1902253	Trần Võ Khánh	Linh	28/04/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 31

2246	1902254	Trần Xuân Uyên	Nhi	14/12/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 31
2247	1902255	Trương Ngọc	Hân	27/08/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 31
2248	1902256	Trương Nguyên	Ngọc	25/04/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 31
2249	1902257	Trương Quỳnh Nhã U	Uyên	26/01/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 31
2250	1902258	Trương Ý	Kha	23/02/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 31
2251	1902259	Vĩnh Tôn Nữ Bảo	Ngân	07/10/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 31
2252	1902260	Võ Đức Anh	Huy	17/09/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 31
2253	1902261	Võ Ngọc Phương	Linh	23/05/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 31
2254	1902262	Võ Thanh	Vân	23/08/04	khối 5	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 31
2255	1902263	Võ Thị Phương	Trang	30/04/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 31
2256	1902264	Võ Thị Phương	Trinh	30/04/05	khối 4	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 31
2257	1902265	Võ Thị Thiên	Ngân	17/01/06	khối 3	Trần Cao Vân	Thanh Khê	Đà Nẵng	Ca 3, 13g30 - 15g00	Phòng 31